



BỘ XÂY DỰNG  
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

11

Tháng 6 - 2016

## BỘ TRƯỞNG CUBA RENE MESA VILLAFANA SANG THĂM VÀ LÀM VIỆC VỚI BỘ XÂY DỰNG

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2016



*Bộ trưởng Phạm Hồng Hà tại buổi tiếp Bộ trưởng Rene Mesa Villafana*



*Bộ trưởng Rene Mesa Villafana thăm Cty Sứ Viglacera Thanh Trì*

THÔNG TIN  
**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG  
**MỖI THÁNG 2 KỶ**

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH  
**NĂM THỨ MƯỜI BẢY**

**11**

**SỐ 11 - 6/2016**



**TRUNG TÂM THÔNG TIN**

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

## MỤC LỤC

### Văn bản quản lý

#### Văn bản các cơ quan TW

- Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035 5
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 7
- Chương trình hành động của Bộ Xây dựng thực hiện Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP của Chính phủ 9
- Ngành Xây dựng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 - 2020 10

#### Văn bản của địa phương

- Tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh 13
- UBND thành phố Hà Nội ban hành "Quy định về việc lắp đặt, quản lý, sử dụng hộp thư tập trung, hệ thống cáp viễn thông, hệ thống phủ sóng trong các tòa nhà nhiều tầng có nhiều chủ sử dụng trên địa bàn thành phố" 16

## **CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH**

### **ĐỖ HỮU LỰC**

**Phó giám đốc Trung tâm**

**Thông tin**

#### **Ban biên tập:**

CN. BẠCH MINH TUẤN

**(Trưởng ban)**

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẬN

CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN

CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH

ThS. PHẠM KHÁNH LY

CN. TRẦN ĐÌNH HÀ

CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH

## **Khoa học công nghệ xây dựng**

- Hội nghị thẩm định Quy hoạch xây dựng Khu du lịch Thác Bản Giốc đến năm 2030 18
- Nghiệm thu Dự thảo Tiêu chuẩn và Chỉ dẫn kỹ thuật của Viện Vật liệu Xây dựng 20
- Hội nghị tập huấn Quy trình đánh giá an toàn kết cấu nhà ở và công trình công cộng 22
- Thanh polyme cốt sợi tổng hợp - những tính chất được cải thiện 23
- Công trình gần như không hao phí năng lượng tại Trung Quốc 26
- Công nghệ BIM với dự án “Nhà thông minh” tại Saint Peterburg (Nga) 28

## **Thông tin**

- Bộ trưởng Bộ Xây dựng tiếp Phó Chủ tịch Ngân hàng Thế giới Victoria Kwakwa 31
- Bộ trưởng Cuba Rene Mesa Villafana sang thăm và làm việc với Bộ Xây dựng 32
- Đảng ủy Khối cơ quan Trung ương làm việc với Đảng ủy Bộ Xây dựng 35
- Hội nghị triển khai Đề án 1961 giai đoạn 2016 - 2020 37
- Hội nghị Tổng kết 5 năm phong trào “Người mẹ có con ngoan, học giỏi” lần thứ X 39
- Các đầu mối giao thông cần trở thành lực hút chủ đạo trong cuộc sống đô thị của Moskva 40
- Ý tưởng chung và mô hình vận hành kinh doanh xử lý nước thải nông thôn tại Trung Quốc 42
- Con đường phát triển xây dựng xanh của Singapore 45

## **Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035**

Ngày 24 tháng 05 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 870/QĐ-TTg về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035.

Phạm vi nghiên cứu trên ranh giới hành chính toàn tỉnh Bình Định có diện tích tự nhiên 6050 km<sup>2</sup>. Gồm 11 đơn vị hành chính: 01 thành phố, 01 thị xã và 9 huyện. Phạm vi và ranh giới được xác định như sau: Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ngãi; Phía Nam giáp tỉnh Phú Yên; Phía Đông giáp biển Đông; Phía Tây giáp tỉnh Gia Lai.

Mục tiêu xây dựng tỉnh Bình Định phát triển linh hoạt và hiệu quả; phát triển hệ thống đô thị - nông thôn theo hướng bền vững, giữ gìn sinh thái môi trường và phù hợp với xu thế hội nhập, sẵn sàng ứng phó với biến đổi khí hậu. Xây dựng khung hạ tầng kỹ thuật diện rộng, các công trình đầu mối kỹ thuật kết nối đồng bộ với hệ thống đô thị, các khu động lực kinh tế và hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia. Xây dựng thành phố Quy Nhơn trở thành một trong những trung tâm kinh tế biển của quốc gia, theo định hướng dịch vụ - cảng biển - công nghiệp - du lịch, trọng tâm là dịch vụ - cảng biển tạo sức lan tỏa đến hệ thống đô thị toàn tỉnh Bình Định và vùng Nam Trung Bộ, Tây Nguyên. Phát triển khu kinh tế Nhơn Hội làm động lực quan trọng phát triển kinh tế xã hội. Khai thác hiệu quả tiềm năng về nhân văn, sinh thái, cảnh quan để phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch gắn với bảo vệ môi trường. Là cơ sở pháp lý triển khai quy hoạch xây dựng đô thị và các khu chức năng đặc thù; lập chương trình kế hoạch phát triển đô thị tỉnh Bình Định.

Đây là vùng kinh tế tổng hợp thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, có các ngành kinh tế

chủ đạo là các ngành kinh tế biển, công nghiệp lọc hóa dầu, dịch vụ chất lượng cao, nông nghiệp công nghệ cao; là trung tâm công nghiệp năng lượng sạch; văn hóa, du lịch biển, du lịch văn hóa và sinh thái cảnh quan, thương mại - dịch vụ, dịch vụ vận tải biển, y tế, giáo dục đào tạo... của vùng duyên hải miền Trung và Tây Nguyên; là đầu mối giao lưu kinh tế xã hội vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, vùng duyên hải Nam Trung Bộ và vùng Tây Nguyên; là địa bàn giữ vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.

Về dân số dự kiến đến năm 2025 dân số toàn tỉnh khoảng 155 - 160 vạn người; dân số thành thị khoảng 60 - 65 vạn người. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 38 - 40%. Đến năm 2035, dự kiến dân số toàn tỉnh khoảng 165 - 170 vạn người. Dân số thành thị khoảng 80 - 85 vạn người. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 45 - 50%. Về đất đai thì dự kiến đến năm 2025 đất xây dựng đô thị khoảng: 10.000 - 11.700 ha; dự kiến đến năm 2035 đất xây dựng đô thị khoảng 13.000 - 16.500 ha.

Về điều kiện tự nhiên, môi trường: Đánh giá đặc điểm tự nhiên của vùng núi, gò đồi, đồng bằng ven biển, đầm phá. Đánh giá ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên tới các khu vực dự kiến xây dựng hệ thống đô thị và các khu chức năng động lực phát triển vùng tỉnh. Phân tích ảnh hưởng của chế độ thủy văn các sông lớn như sông Hà Thanh, sông Côn, sông Lại Giang, sông La Tinh... Đánh giá các tai biến thiên nhiên (nếu có), vấn đề biến đổi khí hậu liên quan đến chiến lược phát triển đô thị. Cần đánh giá hiện trạng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; hiện trạng phân bố hệ thống các đô thị, tính chất, chức năng, quy

mô, tỷ lệ đô thị hóa, động lực phát triển, thực trạng quản lý đô thị. Mối liên kết đô thị - nông thôn. Hiện trạng mạng lưới hạ tầng kinh tế, xã hội và hệ thống hạ tầng kỹ thuật diện rộng; đánh giá và đề xuất giải quyết các vấn đề trong công tác quản lý thực hiện quy hoạch hệ thống đô thị và các điểm dân cư nông thôn tỉnh Bình Định đến năm 2020; các quy hoạch chuyên ngành về đô thị, nông thôn, hạ tầng kinh tế, hạ tầng kỹ thuật...

Về định hướng phát triển không gian vùng tỉnh: Xây dựng hệ thống đô thị và nông thôn phù hợp với chiến lược biển Việt Nam, hành lang kinh tế Đông Tây, định hướng phát triển đô thị toàn quốc, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và sự hình thành khu kinh tế Nhơn Hội; phân bố các vùng kinh tế động lực, đảm bảo mối liên kết đô thị - nông thôn, hình thành các khu trọng điểm về công nghiệp, du lịch, vùng sinh thái nông nghiệp, vùng bảo vệ cảnh quan tự nhiên...; phân cấp loại đô thị, vai trò và nguyên tắc phát triển thành phố Quy Nhơn, đô thị động lực tiểu vùng ven biển; xây dựng thành phố Quy Nhơn trở thành một trong những đô thị trung tâm vùng kinh tế trọng điểm của vùng và quốc gia, về các lĩnh vực: Đào tạo chất lượng cao, y tế chuyên sâu, dịch vụ thương mại và du lịch, phát triển nhà ở và dịch vụ đô thị..., xác định các chức năng hỗ trợ phát triển tại khu vực phụ cận thành phố Quy Nhơn. Xây dựng mô hình cấu trúc khu dân cư nông thôn gắn với các vùng sản xuất theo hướng tập trung áp dụng công nghiệp cao; phát triển một số khu dân cư nông thôn tập trung theo hướng hình thành đô thị loại V; kết nối với các đô thị đã có, hệ thống hạ tầng vùng tỉnh, các khu vực công nghiệp, du lịch, thương mại tập trung.

Định hướng phát triển mạng lưới hạ tầng kinh tế - xã hội vùng: Định hướng phân bố và xác định quy mô các trung tâm đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục thể thao mang ý nghĩa vùng; trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ cấp vùng; khu du lịch, nghỉ dưỡng, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường và các di tích văn hóa - lịch sử

có giá trị. Các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp vùng kết nối tỉnh Bình Định với các vùng lân cận đảm bảo phát triển nội vùng tỉnh.

Về giao thông đề xuất các công trình đầu mối giao thông toàn vùng tỉnh, kết nối giữa các đô thị và các khu vực đầu tư trọng điểm trong tỉnh, kết nối vùng với đầu mối giao thông quốc gia; Quy hoạch đường thủy nội địa, phát triển hệ thống cảng biển, cảng dầu trung chuyển quốc tế, cảng sông và các cảng chuyên dụng khác phục vụ việc phát triển kinh tế biển, đảo.

Đối với cấp nước dự báo nhu cầu cấp nước toàn vùng; đề xuất giải pháp cấp nước theo hệ thống diện rộng trên toàn tỉnh và cho các phân vùng, xem xét đến một số khu vực xây dựng tập trung lớn; đề xuất giải pháp chính để bảo vệ các nguồn nước và các công trình đầu mối, đặc biệt là các hệ thống hồ cấp nước.

Đối với cấp điện cần xác định nhu cầu sử dụng điện toàn vùng, đề xuất giải pháp bố trí các công trình đầu mối cấp điện, mạng lưới các tuyến điện cao thế; nghiên cứu đề xuất các nguồn cấp năng lượng tự nhiên khác.

Xác định tổng quy mô nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất công nghiệp, đề xuất các công trình đầu mối thu gom xử lý; dự báo tổng quy mô khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp, y tế; đề xuất các địa điểm, quy mô công trình đầu mối xử lý chất thải rắn; xác định quy mô, địa điểm nghĩa trang đến cấp tiểu vùng, đề xuất các hình thức an táng không ảnh hưởng đến môi trường và phù hợp với văn hóa địa phương.

Đề xuất các giải pháp bảo vệ rừng bảo tồn, rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển, vùng sinh thái nông nghiệp, vùng bảo vệ cảnh quan đầm Thị Nại... Dự báo và đề xuất giải pháp đối với các tác động đô thị hóa. Đề xuất các nguyên tắc xây dựng không gian tỉnh Bình Định ứng phó với biến đổi khí hậu.

Quyết định này cũng yêu cầu xác định chương trình thực hiện mục tiêu phát triển đô thị - nông thôn tỉnh Bình Định trong các giai đoạn ngắn hạn và dài hạn; danh mục các dự án hạ

tăng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cấp vùng; đề xuất các giải pháp nguồn lực. Bên cạnh đó, Thủ tướng cũng yêu cầu đề xuất các yêu cầu quản lý quy hoạch và xây dựng hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn nhằm bảo vệ vùng cảnh quan tự nhiên, vùng nông lâm ngư nghiệp, sử dụng tiết kiệm và khai thác có hiệu quả quỹ đất, tạo lập không gian đô thị hóa mới cho tỉnh Bình Định.

Thời gian lập đồ án Quy hoạch xây dựng Vùng không quá 15 tháng kể từ khi Chủ đầu tư kí hợp đồng với nhà thầu tư vấn.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

**Xem toàn văn tại ([www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))**

## **Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025**

Ngày 01 tháng 6 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 985a/QĐ-TTg về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

Mục tiêu tổng quát của Quyết định này nhằm tăng cường công tác quản lý chất lượng không khí thông qua kiểm soát nguồn phát sinh khí thải và giám sát chất lượng không khí xung quanh nhằm cải thiện chất lượng môi trường và đảm bảo sức khỏe cộng đồng.

Mục tiêu cụ thể kiểm soát tốt các nguồn khí thải, chủ yếu là nguồn khí thải công nghiệp, năng lượng lớn và giao thông, đến năm 2020 đảm bảo 80% các cơ sở sản xuất thép, hóa chất và phân bón hóa học xử lý bụi và các khí thải SO<sub>2</sub>, Nox, CO đạt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường; các cơ sở sản xuất điện, xi măng, thép, hóa chất và phân bón hóa học đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động; kiểm kê khí thải tại các cơ sở này; triển khai các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi PM<sub>10</sub>, và PM<sub>2.5</sub> tại các nguồn thải chính; hoàn thành Quyết định số 909/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Kiểm soát khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông tại các tỉnh, thành phố”.

Xác định hiện trạng ô nhiễm bụi PM<sub>10</sub> và PM<sub>2.5</sub> tại các đô thị đặc biệt và đô thị trực thuộc trung ương. Tăng cường năng lực quốc

gia về kiểm soát khí nhà kính. Tăng cường công tác giám sát chất lượng không khí xung quanh thông qua việc tăng số lượng trạm quan trắc không khí xung quanh tự động liên tục tại các đô thị; giám sát thường xuyên các thông số theo Quy chuẩn kỹ thuật môi trường và thông số VOCs, HC.

Quản lý chất lượng không khí phải phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam, phòng ngừa ô nhiễm là chính; kết hợp với xử lý, khắc phục ô nhiễm; việc quản lý chất lượng không khí là trách nhiệm của chủ các nguồn phát thải và các cơ quan quản lý Nhà nước với sự giám sát của nhân dân.

Quyết định đề ra các nhiệm vụ và giải pháp bao gồm: Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về quản lý chất lượng không khí; xây dựng và ban hành Nghị định của Chính phủ về kiểm soát ô nhiễm môi trường nước, đất và không khí; ban hành quy định pháp luật và hướng dẫn về xây dựng và thực hiện Kế hoạch quản lý chất lượng không khí của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; sửa đổi và bổ sung các quy chuẩn kỹ thuật môi trường, tiêu chuẩn quốc gia liên quan đến quản lý chất lượng không khí, các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải, mức phát thải khí nhà kính; các quy định pháp luật và hướng dẫn về kiểm kê khí thải công nghiệp, các công trình, thiết bị xử lý khí thải, xây dựng các

cơ sở dữ liệu về các nguồn khí thải công nghiệp lớn; ban hành các quy định pháp luật và kiểm soát nguồn thải bụi PM10 và PM2.5; khuyến khích các cơ sở sản xuất sử dụng nhiên liệu sạch, đổi mới công nghệ; khuyến khích phát triển ngành nghề truyền thống ít gây ô nhiễm; sửa đổi và bổ sung các quy định pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng; các quy định pháp luật và hướng dẫn về phòng ngừa, ứng phó và khắc phục tình trạng ô nhiễm không khí...

Nâng cao năng lực về quản lý chất lượng không khí thông qua việc hướng dẫn các địa phương trong việc xây dựng và thực hiện Kế hoạch quản lý chất lượng không khí.

Phòng ngừa, giảm thiểu phát thải khí thải qua việc triển khai có hiệu quả Đề án “Phát triển nhiên liệu sinh học đến năm 2015”; tập trung kiểm soát bụi trong quá trình thi công, vận chuyển nguyên vật liệu; chất thải tại các công trường xây dựng; đổi mới công nghệ, quy trình sản xuất, thiết bị sản xuất tại các cơ sở sản xuất công nghiệp; áp dụng sản xuất sạch hơn, hệ thống chứng nhận theo TCVN ISO 14001; tăng cường kiểm soát ô nhiễm không khí do các nguồn khí thải tại khu vực nông thôn đặc biệt tại các khu vực xử lý chất thải rắn nông thôn, làng nghề, cụm công nghiệp; thực hiện Đề án “Kiểm soát khí thải xe mô tô, xe gắn máy”; hoàn thiện, hiện đại hóa hệ thống quan trắc môi trường không khí xung quanh tự động, liên tục; với các đô thị đặc biệt và loại I trở lên cần quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về chất lượng môi trường không khí xung quanh.

Đa dạng hóa nguồn lực cho lĩnh vực quản lý chất lượng không khí qua việc bổ sung, hoàn thiện chính sách pháp luật về miễn giảm thuế nhập khẩu thiết bị xử lý khí thải và quan trắc khí thải tự động; tăng cường ngân sách cho các cơ quan quản lý thiết bị quan trắc, vận hành cơ sở dữ liệu; ưu tiên nguồn vốn để tăng cường đầu tư lắp đặt bổ sung các trạm quan trắc tự động

liên tục; huy động các nguồn lực đầu tư ngoài vốn ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác.

Tăng cường nghiên cứu, học tập, trao đổi kinh nghiệm với các quốc gia và tổ chức quốc tế về xây dựng; khuyến khích đầu tư cho nghiên cứu khoa học nhằm đổi mới, ứng dụng công nghệ tiên tiến, nâng cao năng suất và hiệu quả sử dụng nhiên liệu; nghiên cứu, xây dựng hệ số phát thải cho các nguồn khí thải phù hợp với điều kiện Việt Nam, nghiên cứu sự đóng góp của các nguồn khí thải đối với bụi PM10 và PM2.5; xây dựng mô hình đánh giá sự lan truyền ô nhiễm không khí và dự báo chất lượng không khí, nghiên cứu phương pháp tính toán sức chịu tải của môi trường không khí, làm cơ sở cho việc ban hành quy định cấp hạn ngạch phát thải khí thải công nghiệp; ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào việc giám sát chất lượng không khí xung quanh.

Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường không khí tại các công trường xây dựng, cơ sở công nghiệp, năng lượng, y tế và giao thông vận tải; tăng cường công tác kiểm định khí thải đối với phương tiện giao thông đường bộ; huy động sự tham gia của cộng đồng với việc giám sát khí thải phát sinh từ các cơ sở công nghiệp, năng lượng, giao thông, xây dựng.

Tuyên truyền, giáo dục và nâng cao năng lực, nhận thức về quản lý chất lượng không khí qua việc công khai thông tin về chất lượng môi trường không khí xung quanh tại các đô thị đặc biệt; đô thị loại I trên các phương tiện thông tin; tập huấn, phổ biến thường xuyên các kiến thức về quản lý chất lượng không khí, các văn bản QPPL về bảo vệ môi trường không khí, cho cán bộ quản lý môi trường các ngành, các cấp và các chủ cơ sở sản xuất; phổ biến thông tin cho cộng đồng về tác hại ô nhiễm không khí.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

**Xem toàn văn tại ([www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))**



## **Chương trình hành động của Bộ Xây dựng thực hiện Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP của Chính phủ**

Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 419/QĐ-BXD chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016 - 2017, định hướng đến năm 2020.

Các nhiệm vụ, giải pháp bao gồm

Tập trung thực hiện tốt công tác hoàn thiện thể chế, rà soát tổng thể và đề xuất việc sửa đổi, bổ sung các văn bản QPPL liên quan đến quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp với thông lệ quốc tế bao gồm việc rà soát, bãi bỏ hoặc xây dựng các văn bản QPPL quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong các lĩnh vực thuộc quản lý của Bộ; báo cáo kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp; xây dựng thông tư công bố danh mục và mã số HS vật liệu amiăng thuộc nhóm amfibole cấm nhập khẩu; đánh giá quá trình triển khai thực hiện các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng và lựa chọn nhà thầu; đánh giá quá trình triển khai thực hiện các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng, an toàn trong thi công và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; đánh giá quá trình triển khai thực hiện, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản QPPL và hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, suất đầu tư, đơn giá, hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật ngành xây dựng; đánh giá quá trình thực hiện các quy định về quy hoạch xây dựng và lựa chọn nhà thầu tư vấn lập quy hoạch đô thị, về quản lý, phát triển nhà ở và thị trường bất động sản; đánh giá các quy định về quản lý đầu tư phát triển đô thị, quản lý hạ tầng kỹ thuật, quản lý vật liệu xây dựng; tổng hợp kết quả rà soát, đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung các văn bản QPPL; xây

dựng Luật, Nghị định sửa đổi, bổ sung các văn bản QPPL hiện hành (phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành có liên quan xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số luật liên quan hoạt động đầu tư kinh doanh; phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành có liên quan xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định giải quyết các vướng mắc về đầu tư, kinh doanh, đất đai, xây dựng, đấu thầu, môi trường; xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản).

Thực hiện việc phân cấp, ủy quyền hợp lý trong các hoạt động xây dựng gồm thẩm định dự án, thiết kế và dự toán xây dựng, cấp giấy phép xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu trước khi đưa công trình vào khai thác, sử dụng. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong cấp Giấy phép xây dựng và các thủ tục liên quan đến quản lý xây dựng công trình, làm rõ điều kiện cấp giấy phép xây dựng, bản vẽ thiết kế; phối hợp với các Bộ Công an, Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy; phối hợp các tổ chức quốc tế tìm hiểu rõ phương pháp, cách tính và ý nghĩa các chỉ tiêu xếp hạng. Xử lý kịp thời các vướng mắc, kiến nghị của Hiệp hội doanh nghiệp. Hoàn thành việc chuẩn hóa, công khai các thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa. Thiết lập hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý kiến nghị và kết quả giải quyết thủ tục hành chính để người dân và doanh nghiệp đánh giá, phản ánh về chính sách, thủ tục hành chính và việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử, trọng tâm là ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý,

điều hành và giải quyết thủ tục hành chính như: cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính (cấp giấy phép xây dựng, giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài, cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản); xây dựng Đề án cơ sở dữ liệu thông tin; nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, thực hiện kết nối liên thông phần mềm quản lý văn bản điều hành giữa Bộ Xây dựng với các cơ quan của Chính phủ, UBND các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO vào hoạt động của Bộ; công khai quy trình, hồ sơ, thủ tục, cán bộ có trách nhiệm thụ lý, xử lý, giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp tại cơ quan Bộ; thiết lập bộ phận một cửa để tiếp nhận và trả kết quả; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO vào hoạt động của Bộ.

Nâng cao trình độ, năng lực, trách nhiệm, đạo đức công vụ của các cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là những cán bộ trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính, đề cao trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị; xây dựng và tổ

chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức, ưu tiên, đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ trực tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính.

Nâng cao chất lượng công tác thanh tra xây dựng và hoạt động của Thanh tra Bộ, hướng tới các mục tiêu hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp tuân thủ tốt các quy định của pháp luật; phối hợp với thanh tra các Bộ, ngành để xây dựng kế hoạch thanh tra tránh chồng chéo, không gây phiền hà và ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp.

Phối hợp với UBND, Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Sở Quy hoạch kiến trúc Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể nhân dân thực hiện tốt việc giám sát và phản biện theo quy định của pháp luật, giám sát thực hiện Nghị quyết 19/2016.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Xem toàn văn tại ([www.moc.gov.vn](http://www.moc.gov.vn))**

## **Ngành Xây dựng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 - 2020**

Ngày 27 tháng 5 năm 2016, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 499/QĐ-BXD chương trình hành động của Ngành thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 - 2020.

Đại hội đã đề ra mục tiêu phát triển Ngành Xây đạt trình độ ngang tầm với các nước trong khu vực; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng; kiểm soát chặt chẽ quá trình phát triển đô thị, tiến tới hình

thành hệ thống đô thị có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thân thiện với môi trường; chú trọng xây dựng và thực hiện quy hoạch nông thôn, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; kiểm soát, thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định, hiệu quả, phát triển đa dạng các loại hình nhà ở, đặc biệt là nhà ở xã hội.

Quyết định này đề ra các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2016 - 2020 bao gồm giá trị sản xuất của Ngành tăng trưởng bình quân từ 9 - 14%/năm; tỷ lệ đô thị hóa cả nước đạt 38 -

40%; tỷ lệ quy hoạch vùng tỉnh, quy hoạch chung các đô thị đạt 100%; tỷ lệ dân cư đô thị được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt khoảng 95%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý đạt khoảng 90%; diện tích nhà ở bình quân toàn quốc đạt 25m<sup>2</sup> sàn/người, trong đó đô thị đạt khoảng 29m<sup>2</sup> sàn/người, tại nông thôn đạt khoảng 22m<sup>2</sup> sàn/người, xây dựng mới khoảng 12,5 triệu m<sup>2</sup> nhà ở xã hội tại khu vực đô thị.

Giai đoạn 2016 - 2020 đặt ra các chỉ tiêu tăng trưởng bình quân của Ngành từ 9% - 14%/năm; tỷ lệ đô thị hóa cả nước đạt khoảng 38% - 40%; tỷ lệ quy hoạch vùng, tỉnh, quy hoạch chung các đô thị đạt 100%; tỷ lệ dân cư đô thị được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt khoảng 95%; tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom và xử lý đạt khoảng 90%.

Các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu bao gồm:

Nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, đảm bảo chất lượng công trình, chống thất thoát, lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, nhất là đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước.

Phát triển đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, bền vững, thân thiện với môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của các đô thị trong đó xây dựng khung pháp lý và các công cụ, chính sách cụ thể, đồng bộ, hoàn chỉnh để quản lý và kiểm soát chặt chẽ quá trình đầu tư phát triển đô thị, trọng tâm xây dựng để Chính phủ trình Quốc hội ban hành các Luật về Quản lý phát triển đô thị, Kiến trúc, Cấp nước; bổ sung, điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng liên tỉnh, vùng kinh tế trọng điểm, khu kinh tế, khu chế xuất đặc biệt là Quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội, vùng TP. Hồ Chí Minh, vùng đồng bằng sông Cửu Long và các đồ án quy hoạch xây dựng quan trọng khác; rà soát, điều chỉnh các quy hoạch cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn các vùng kinh tế trọng

điểm, vùng lưu vực sông; xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành, liên vùng và giữa các địa phương trong việc huy động nguồn lực, đầu tư xây dựng...; tiếp tục thực hiện Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý xây dựng và phát triển đô thị đối với công chức, lãnh đạo, chuyên môn đô thị các cấp; hoàn chỉnh định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam theo hướng hiện đại, có bản sắc, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản kiến trúc dân tộc, nghiên cứu mô hình kiến trúc xanh, tiết kiệm năng lượng, các mẫu kiến trúc nhà ở, công trình công cộng khu vực nông thôn phù hợp chương trình xây dựng nông thôn mới và đặc điểm của từng địa phương.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định, thông suốt, hiệu quả; tái cơ cấu thị trường bất động sản gắn với thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội khu vực đô thị, khu công nghiệp; tiết kiệm tài nguyên đất đai, phát triển đa dạng các loại hàng hóa bất động sản bao gồm nhà ở để bán, cho thuê, thuê mua; sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách về thị trường vốn trung hạn, dài hạn trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản, nhà ở; xây dựng hệ thống thông tin và CSDL về nhà ở, bất động sản; kiểm tra việc thực hiện các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ cải tạo các chung cư cũ xuống cấp, gây nguy hiểm, quá hạn sử dụng tại các đô thị đặc biệt là tại Thủ đô Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

Tăng cường quản lý, phát triển VLXD theo quy hoạch, bảo đảm cân đối cung - cầu bình ổn thị trường, khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản làm VLXD; đẩy mạnh phát triển vật liệu không nung, VLXD tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường, sử dụng chất thải sinh hoạt, phế thải công nghiệp làm nguyên, nhiên liệu sản xuất VLXD, phát triển VLXD mới, chất lượng cao.

Thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành Xây dựng

gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ; tái cơ cấu doanh nghiệp ngành Xây dựng theo hướng xây dựng các sản phẩm, dịch vụ mũi nhọn có tính chuyên môn hóa, chuyên biệt cao; đổi mới mô hình tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm;

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai có hiệu quả Chính phủ điện tử, trọng tâm là ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện kết nối liên thông phần mềm quản lý văn bản điều hành giữa Bộ với các cơ quan của Chính phủ, UBND các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương; cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính gồm cấp giấy phép xây dựng, cấp giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài, công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực Ngành giai đoạn 2011 - 2020 bao gồm đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn và công nhân kỹ thuật, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giỏi, chuyên gia kỹ thuật, công nhân lành nghề; đánh giá đội ngũ cán bộ, viên chức theo ngạch, chức danh nghề nghiệp và trình độ đào tạo, kiện toàn và nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước ngành Xây dựng từ Trung ương đến địa phương; xây dựng cơ chế tiền lương và các chế độ ưu đãi đối với người lao động trong Ngành.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế: Thực hiện Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, hiện đại trong các lĩnh vực hoạt động xây dựng, VLXD, cơ khí xây dựng, quy

hoạch xây dựng, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật; gắn kết hoạt động nghiên cứu khoa học với thực tiễn sản xuất và quản lý phát triển Ngành nhất là các vấn đề như xây dựng công trình trên biển, đảo, công trình ứng phó với biến đổi khí hậu, công trình xanh tiết kiệm năng lượng, công trình ngầm đô thị...; đẩy mạnh hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực của Ngành; thu hút nguồn lực nước ngoài (vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn FDI...), thực hiện hiệu quả các hoạt động của Ủy ban liên chính phủ do Bộ trưởng Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Phân ban.

Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực gồm đầu tư xây dựng, quy hoạch và phát triển đô thị, nhà ở và thị trường BĐS, VLXD), xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm đặc biệt là hành vi tham nhũng, gây thất thoát, lãng phí, các vi phạm về chất lượng công trình và trật tự xây dựng tại khu vực đô thị; giải quyết khiếu nại, tố cáo, hạn chế tồn đọng khiếu nại trong lĩnh vực nhà đất; phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán nhà nước, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan, tổ chức thực hiện các chương trình thanh tra, kiểm tra hàng năm.

Kết hợp chặt chẽ việc chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn với việc chỉ đạo công tác đảng (trọng tâm là Nghị quyết trung ương 4 - Khóa XI về xây dựng Đảng) và thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, phong cách, đạo đức Hồ Chí Minh; đổi mới phương thức, nội dung, chất lượng hoạt động, phát huy vai trò của tổ chức công đoàn và các đoàn thể chính trị - xã hội; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, xây dựng môi trường làm việc lành mạnh đoàn kết, ứng xử có văn hóa và thực hiện nếp sống văn hóa trong cơ quan, đơn vị.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Xem toàn văn tại ([www.moc.gov.vn](http://www.moc.gov.vn))**

**VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG****Tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh**

Ngày 09 tháng 5 năm 2016, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh.

Quy định này áp dụng cho việc thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế (sau đây gọi tắt là khu công nghiệp), cụm công nghiệp, cụm làng nghề, khu dân cư nông thôn tập trung, bệnh viện và trung tâm Y tế huyện trên địa bàn tỉnh. Thành phần hệ thống thoát nước gồm cống cấp 1 bao gồm hệ thống cống bao, rãnh dọc, kênh, mương dẫn nước thải, nước mưa xả vào các kênh mương, sông, ngòi chính có dòng chảy tiêu thoát nước cho khu vực, hoặc vùng; cống cấp 2 bao gồm hệ thống cống dọc các đường phố chính có chức năng vận chuyển nước thải và nước mưa, có thể thông qua hoặc không thông qua các trạm bơm, các trạm xử lý, hồ điều hòa, đến hệ thống cống cấp 1; cống cấp 3 bao gồm các cống dọc đường phố tại các tiểu khu, cống dẫn nước mưa, nước từ các hố ga mặt đường, dùng để thu gom, truyền tải nước thải, nước mưa của các hộ thoát nước hoặc nước bề mặt tới hệ thống cống cấp 1 và cấp 2.

Công trình hệ thống thoát nước gồm hộp đấu nối, hố kiểm tra, ga thăm, cửa thu nước lề đường, cửa tràn tách nước; trạm bơm nước thải, nước mưa; cống liên quan đến trạm bơm; hồ điều hòa và kênh mương; cửa xả nước mưa hoặc nước thải đã xử lý vào môi trường tiếp nhận; nhà máy xử lý nước thải; công trình xử lý bùn cặn.

Các nguyên tắc chung quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải gồm phải được

thiết kế và xây dựng đồng bộ; trong trường hợp còn hạn hẹp về kinh phí đầu tư xây dựng thì phải phân chia giai đoạn đầu tư phù hợp theo thứ tự ưu tiên, nhưng phải đảm bảo yếu tố đồng bộ, bao gồm cả các công trình xử lý bùn cặn. Hệ thống thoát nước sau khi xây dựng xong phải được giao cho đơn vị có chức năng hành nghề, có năng lực, kinh nghiệm theo quy định để quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng. Người sử dụng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là dịch vụ thoát nước) phải trả tiền dịch vụ thoát nước. Giá dịch vụ thoát nước do UBND tỉnh quy định có tính đến đối tượng, loại hình và mức độ ô nhiễm của nước thải xả vào hệ thống thoát nước và khả năng chi trả, hay điều kiện kinh tế xã hội của các hộ thoát nước. Khuyến khích và huy động sự tham gia của mọi thành phần kinh tế đầu tư, quản lý, vận hành duy tu bảo dưỡng các hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề, bệnh viện và trung tâm Y tế huyện.

Quyết định này cũng đề ra các nguyên tắc đầu tư phát triển hệ thống thoát nước như sau: Quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước phải kết hợp với các công trình hạ tầng khác để sử dụng chung theo quy định, phù hợp với Định hướng thoát nước, xử lý nước thải đã được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 28/12/2015. Đồ án quy hoạch, dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật khác (giao thông, thủy lợi, y tế...) phải bảo đảm tính đồng bộ với hệ thống thoát nước tại khu vực. Khi cải tạo, mở rộng, xây dựng mới các công trình hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là công trình giao thông có liên

quan đến hệ thống thoát nước, chủ đầu tư phải có phương án đảm bảo an toàn cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật đã có trước, bảo đảm thoát nước bình thường và có nghĩa vụ cải tạo, phục hồi hoặc xây dựng mới đồng bộ các hạng mục công trình thoát nước có liên quan, đảm bảo vệ sinh môi trường trong và sau khi cải tạo, xây dựng mới.

Việc đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước phải thực hiện theo kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước được phê duyệt. Kế hoạch thoát nước phải phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch thoát nước, định hướng phát triển hệ thống thoát nước đã được phê duyệt. Ưu tiên sử dụng công nghệ thích hợp, thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước phải thực hiện đồng bộ từ mạng lưới cống cấp 1, cấp 2, cấp 3; đấu nối hệ thống thoát nước, đến nhà máy xử lý nước thải, cửa xả ra môi trường. Khuyến khích, thu hút đầu tư theo các hình thức PPP, BT, BOT; mở rộng hình thức nhà nước và nhân dân cùng làm; khuyến khích, vinh danh các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp; đổi mới, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư nước ngoài; có cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút đầu tư; tranh thủ tối đa các nguồn viện trợ phi chính phủ, vốn ODA, vốn vay ưu đãi và các nguồn vốn hợp pháp khác. Các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước phải tuân theo các quy định của Nghị định số 80/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ. Các dự án thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, bệnh viện và trung tâm Y tế huyện do các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng được hỗ trợ theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Các tiêu chí lựa chọn công nghệ xử lý nước thải: Về hiệu quả xử lý của công nghệ cần đảm bảo mức độ cần thiết làm sạch nước thải, có tính đến khả năng tự làm sạch của nguồn tiếp nhận, ưu tiên lựa chọn mô hình xử lý nước thải phân tán, hoặc mô hình kết hợp giữa xử lý nước

thải tập trung và phân tán, hạn chế tối đa các trạm bơm nước thải; tiết kiệm đất xây dựng; chi phí quản lý, vận hành, bảo dưỡng duy tu thấp nhất, phù hợp với năng lực trình độ quản lý, vận hành của địa phương; tránh phụ thuộc vào thiết bị, công nghệ nhập khẩu độc quyền; phù hợp với đặc điểm điều kiện khí hậu, địa hình, địa chất thủy văn của khu vực và khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận; an toàn và thân thiện với môi trường; có khả năng mở rộng về công suất hay cải thiện hiệu quả xử lý trong tương lai; đảm bảo hoạt động ổn định khi có sự thay đổi bất thường về chất lượng nước đầu vào, thời tiết và biến đổi khí hậu; mức độ phát sinh và xử lý bùn cặn; tiết kiệm năng lượng, có khả năng tái sử dụng nước thải, bùn thải sau xử lý.

Quyết định này cũng quy định việc lựa chọn đơn vị thoát nước phải có đủ nhân lực, trang thiết bị và phương tiện kỹ thuật chuyên ngành cần thiết để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ của công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa chủ sở hữu và đơn vị được giao quản lý, vận hành hệ thống thoát nước (đơn vị thoát nước). Mẫu hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT- BXD ngày 03/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước có thời hạn ngắn nhất là 05 năm và dài nhất là 10 năm.

Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có quyền lựa chọn, ký kết hợp đồng và chấm dứt hợp đồng với đơn vị thoát nước; có trách nhiệm lập và cung cấp cho đơn vị thoát nước 01 (một) bản danh mục về các công trình của hệ thống thoát nước,... Đơn vị thoát nước có quyền được ngừng dịch vụ thoát nước; hệ thống thoát nước có quyền được cung cấp dịch vụ thoát nước và có trách nhiệm thanh toán tiền sử dụng dịch vụ đúng thời hạn.

Đối với việc đấu nối hệ thống thoát nước thì tất cả các hệ thống thoát nước nằm trong khu vực có

mạng lưới đường ống, cống thu gom nước mưa, nước thải và hộp đấu nối là đối tượng bắt buộc phải đấu nối vào hệ thống thoát nước. Điểm đấu nối là các điểm xả nước của các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước. Tại điểm đấu nối, chủ sở hữu hệ thống thoát nước xây dựng hộp đấu nối. Các dự án đầu tư xây dựng mới hệ thống thoát nước phải đầu tư xây dựng hộp đấu nối để thực hiện đấu nối thoát nước từ hộ thoát nước vào mạng lưới thoát nước chung. Hộ thoát nước có trách nhiệm đầu tư tuyến cống thu gom để vận chuyển nước thải từ các điểm xả của hộ thoát nước đến điểm đấu nối. Các hộ thoát nước lân cận trên cùng tuyến thu gom được phép đầu tư xây dựng chung một tuyến cống thu gom vận chuyển nước thải, nhưng phải đảm bảo yêu cầu về đấu nối và được đơn vị thoát nước chấp thuận. Việc thi công tại điểm đấu nối phải do đơn vị thoát nước thực hiện; trường hợp hộ thoát nước tự tổ chức thi công thì phải được đơn vị thoát nước giám sát nhằm đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật; sau khi đấu nối hoàn thành phải có biên bản nghiệm thu thi công đấu nối giữa đơn vị thoát nước và hộ thoát nước.

Việc đấu nối hệ thống thoát nước phải đảm bảo hạn chế đến mức thấp nhất lượng nước thải thấm vào lòng đất hoặc chảy vào các nguồn tiếp nhận khác. Ống thoát nước từ điểm xả của hộ thoát nước đến điểm đấu nối phải có đường kính lớn hơn hoặc bằng 90mm, có độ dốc tối thiểu 2% để đảm bảo không bị tắc nghẽn. Ống thoát nước được sử dụng đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định và có độ bền cao; khuyến khích sử dụng ống thoát nước làm bằng nhựa PVC, uPVC hoặc HDPE. Các trường hợp được miễn trừ đấu nối vào hệ thống thoát nước gồm các hộ thoát nước có các công trình xử lý nước thải phi tập trung, đảm bảo các quy chuẩn, tiêu chuẩn xả ra nguồn tiếp nhận mà việc đấu nối vào hệ thống thoát nước có thể gây những gánh nặng bất hợp lý về kinh tế cho hộ thoát nước và chủ sở hữu hệ thống thoát nước; tại địa bàn chưa được đầu tư xây dựng hộp đấu nối, mạng lưới

đường cống thoát nước.

Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ thoát nước gồm chất lượng dịch vụ và phục vụ; tùy từng điều kiện cụ thể của từng khu vực trên địa bàn tỉnh, đơn vị thoát nước xây dựng và ban hành tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ thoát nước của đơn vị mình sau khi có ý kiến thống nhất của chủ sở hữu và Sở Xây dựng.

Việc ngừng dịch vụ thoát nước đối với các hộ thoát nước là hộ gia đình thì Đơn vị thoát nước không được ngừng cung cấp dịch vụ thoát nước trong mọi trường hợp, trừ trường hợp được quy định cụ thể trong hợp đồng dịch vụ thoát nước. Đối với các hộ thoát nước khác khi vi phạm các quy định về thoát nước mà không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, đơn vị thoát nước có văn bản thông báo về việc vi phạm và yêu cầu hộ thoát nước khắc phục; sau 15 ngày mà hộ thoát nước không chấp hành thì đơn vị thoát nước ra thông báo lần thứ hai, nếu sau 15 ngày tiếp theo mà hộ thoát nước vẫn không chấp hành thì đơn vị thoát nước được phép ngừng dịch vụ thoát nước; vi phạm các quy định về thoát nước có gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, đơn vị thoát nước tiến hành lập biên bản và yêu cầu hộ thoát nước phải khắc phục ngay, nếu hộ thoát nước không chấp hành thì bị xử lý theo quy định của pháp luật; đồng thời đơn vị thoát nước được quyền ngừng dịch vụ thoát nước. Trường hợp ngừng dịch vụ thoát nước để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước, đơn vị thoát nước phải thông báo cho các hộ thoát nước có liên quan biết lý do, thời gian tạm ngừng dịch vụ thoát nước, đồng thời, đơn vị thoát nước phải có biện pháp thoát nước tạm thời để hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và sinh hoạt của các hộ thoát nước và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Xem toàn văn tại**  
**([www.quangngai.gov.vn](http://www.quangngai.gov.vn))**

## **UBND thành phố Hà Nội ban hành “Quy định về việc lắp đặt, quản lý, sử dụng hộp thư tập trung, hệ thống cáp viễn thông, hệ thống phủ sóng trong các tòa nhà nhiều tầng có nhiều chủ sử dụng trên địa bàn thành phố”**

Ngày 27 tháng 5 năm 2016, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND “Quy định về việc lắp đặt, quản lý, sử dụng hộp thư tập trung, hệ thống cáp viễn thông, hệ thống phủ sóng trong các tòa nhà nhiều tầng có nhiều chủ sử dụng trên địa bàn thành phố”.

Quyết định này ban hành một số nguyên tắc gồm hệ thống cáp viễn thông lắp đặt trong các tòa nhà đảm bảo người sử dụng dịch vụ được tự do lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, thúc đẩy cạnh tranh trong thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ của các doanh nghiệp trong tòa nhà; giá thuê sử dụng mạng cáp trong tòa nhà được xác định trên cơ sở giá thành. Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được xây dựng từ nguồn vốn ngân sách, giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung được tính theo giá cho thuê (tạm thời) công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị sử dụng chung quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 4252/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND thành phố Hà Nội ban hành giá cho thuê (tạm thời) công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị sử dụng chung (tuy nèn, hào, cống, bể kỹ thuật) trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được xây dựng từ nguồn vốn ngoài ngân sách (xã hội hóa), đơn giá cho thuê được tính toán theo quy định tại Khoản 3, Điều 6, Quyết định số 72/2013/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy chế thu hồi vốn đầu tư xây dựng công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị sử dụng chung (tuy nèn, hào, cống, bể kỹ thuật) trên địa bàn thành phố

Hà Nội; hệ thống phủ sóng trong các tòa nhà chỉ được đầu tư xây dựng đối với các tòa nhà có từ 10 (mười) tầng trở lên và khu vực sóng yếu, không đảm bảo chất lượng dịch vụ theo quy định.

Quy định về thiết kế, lắp đặt hộp thư tập trung trong các tòa nhà như sau: được đặt tại tầng 01 của tòa nhà, có vị trí dễ nhìn, dễ tiếp cận, thuận tiện cho việc quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ, và được lắp đặt đồng thời với hệ thống sử dụng chung của tòa nhà; kiểu dáng thiết kế, kích thước hộp thư chính quy định tại Quyết định số 31/2008/QĐ-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông; số lượng hộp thư phải tương ứng với số địa chỉ nhận độc lập trong tòa nhà và được đánh số theo cách đánh số các địa chỉ nhận trong tòa nhà.

Quy định về thiết kế, lắp đặt hệ thống cáp viễn thông trong tòa nhà bao gồm cần có đủ dung lượng để ít nhất 02 (hai) doanh nghiệp viễn thông có thể tham gia cung cấp dịch vụ, hoặc cung cấp thêm dịch vụ theo nhu cầu của người sử dụng; đảm bảo dễ tiếp cận, thuận tiện cho việc lắp đặt, đấu nối, bảo trì, quản lý và sử dụng nhằm cung cấp các dịch vụ điện thoại cố định, di động, internet, truyền hình cáp và các dịch vụ khác cho người sử dụng trong tòa nhà; phải được thiết kế để sử dụng công nghệ mạng cáp quang, đảm bảo cung cấp các dịch vụ cơ bản (điện thoại cố định, internet, truyền hình cáp) trên một đường cáp.

Trong đó, hệ thống cáp quang lắp đặt trong tòa nhà phải đảm bảo các quy định như đảm bảo mỹ quan, an toàn trong tòa nhà, tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ, các tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành liên quan; mỗi



căn hộ trong tòa nhà phải được trang bị sẵn một đôi sợi quang từ hộp phân dây hoặc giá đấu dây tới căn hộ; hệ thống cáp, dây thuê bao trong tòa nhà phải được quy hoạch dán nhãn, đánh số để đảm bảo tính chính xác, dễ dàng khi thi công và cung cấp dịch vụ cho khách hàng trong tòa nhà; phải đáp ứng các điều kiện kỹ thuật để các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông tại tòa nhà đều có khả năng đấu nối tại tủ phân cáp hoặc giá đấu dây của tòa nhà.

Quyết định này cũng quy định về thiết kế, lắp đặt hệ thống phủ sóng trong tòa nhà bao gồm phải được thiết kế, lắp đặt để các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông tin di động có thể sử dụng chung cơ sở hạ tầng sẵn có; hệ thống phủ sóng trong tòa nhà phải có khả năng thay đổi, nâng cấp cấu hình, bảo dưỡng mạng để có thể đáp ứng các công nghệ di động tiên tiến; đảm bảo mỹ quan, an toàn trong tòa nhà

và tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ, các tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành liên quan.

Đối với các tòa nhà đã hoàn thành việc xây dựng hoặc đã được phê duyệt nhưng đang triển khai dang dở trước thời điểm Quy định này có hiệu lực, Thành phố khuyến khích việc chủ đầu tư lắp đặt bổ sung thêm hộp thư tập trung. Đối với các tòa nhà đã đầu tư xây dựng hệ thống cáp viễn thông trước thời điểm Quy định này có hiệu lực, đơn vị quản lý tòa nhà phải tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông sửa chữa, nâng cấp đảm bảo cung cấp các dịch vụ cơ bản (điện thoại cố định, internet, truyền hình cáp) cho người sử dụng trong tòa nhà.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày.

**Xem toàn văn tại ([www.hanoi.gov.vn](http://www.hanoi.gov.vn))**

## **Hội nghị thẩm định Quy hoạch xây dựng Khu du lịch Thác Bản Giốc đến năm 2030**

Ngày 3/6/2016 tại Hà Nội, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn đã chủ trì Hội nghị thẩm định Quy hoạch xây dựng (QHXD) Khu du lịch Thác Bản Giốc, tỉnh Cao Bằng đến năm 2030. Tham dự Hội nghị có Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng Hoàng Xuân Ánh; các thành viên Hội đồng thẩm định gồm đại diện Văn phòng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Ủy ban Dân tộc, các Bộ ngành liên quan, các Hội và Hiệp hội chuyên ngành, các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng.

Báo cáo Hội đồng thẩm định về nội dung của Đồ án QHXD Khu du lịch Thác Bản Giốc, đơn vị tư vấn - Viện Quy hoạch đô thị & nông thôn quốc gia (VIUP) cho biết, việc lập quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Thác Bản Giốc và quy hoạch chi tiết Khu trung tâm du lịch Thác Bản Giốc là bước tiếp theo hiện thực hóa Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Thác Bản Giốc và quy hoạch chi tiết Khu trung tâm du lịch Thác Bản Giốc đã được phê duyệt tại Quyết định số 2284/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 26/11/2013. Đồ án được trình bày gồm hai phần rõ ràng: Phần QHCXD Khu du lịch Thác Bản Giốc có quy mô, phạm vi lập quy hoạch xấp xỉ 1000 ha; bao gồm toàn bộ cảnh quan tự nhiên của khu vực thác Bản Giốc, động Ngườm Ngao, vùng cảnh quan sông Quây Sơn gắn với các làng bản có nét văn hóa, kiến trúc đặc trưng, điểm dân cư tập trung, các điểm - trục và hành lang động lực phát triển cho khu vực thác Bản Giốc; Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung tâm du lịch Thác Bản Giốc có quy mô khoảng 130 ha.

Mục tiêu của Đồ án nhằm xây dựng Khu du lịch Thác Bản Giốc có các khu chức năng và hạ tầng đồng bộ; khai thác tối đa các lợi thế sẵn có về vị trí địa lý và tài nguyên thiên nhiên để phát triển du lịch - dịch vụ một cách bền vững.



*Toàn cảnh Hội nghị*

Thông qua đánh giá hiện trạng tự nhiên, kinh tế - xã hội, kiến trúc cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật - giao thông..., đơn vị tư vấn đã đưa ra các tiền đề và dự báo phát triển, đề xuất các loại hình du lịch cho toàn khu (du lịch tham quan ngắm cảnh với các điểm đến là thác Bản Giốc, động Ngườm Ngao, cảnh quan dòng sông Quây Sơn; du lịch văn hóa, lễ hội tâm linh gắn với văn hóa, phong tục tập quán của các tộc thiểu số trên địa bàn; du lịch thể thao - giải trí và du lịch nghỉ dưỡng tại những nơi cảnh quan thiên nhiên đẹp, môi trường xanh và sinh thái). Trong đồ án, tư vấn cũng đề xuất phân vùng phát triển, định hướng phát triển không gian các khu chức năng (bao gồm khu vực phát triển Khu trung tâm thị trấn du lịch Bản Giốc, và khu vực phát triển Khu trung tâm du lịch Thác Bản Giốc). Về phân vùng kiến trúc cảnh quan, trên cơ sở phân tích các đặc trưng về kiến trúc cảnh quan Khu du lịch, đơn vị tư vấn đề xuất phân thành 05 vùng cảnh quan chính - vùng cảnh quan thác Bản Giốc, vùng cảnh quan khu trung tâm thị trấn du lịch, vùng cảnh quan khu trung tâm dịch vụ du lịch, vùng cảnh quan dọc sông Quây Sơn và hệ sinh thái nông nghiệp hai bên bờ sông, và vùng cảnh quan sinh thái lâm nghiệp gắn với hệ thống núi đồi trùng điệp. Trong đó, vùng cảnh quan thác Bản Giốc là vùng cảnh quan chủ

đạo, còn lưu giữ vẻ nguyên sơ và tạo nên nét hấp dẫn độc đáo cho toàn Khu du lịch. Đồ án tập trung phân tích và đề xuất các hoạt động dịch vụ du lịch, tham quan ngắm cảnh gắn với bảo vệ chủ quyền lãnh thổ. Không gian chính của khu vực này bao gồm không gian thác nước; không gian mặt nước phía chân thác; không gian cánh đồng và bãi bồi thoải tạo khung cảnh rất đẹp; khu vực mốc biên giới 835; các khu dịch vụ ẩm thực, mua bán hàng lưu niệm kết hợp các tuyến đi bộ, leo thác... được phân định khá hợp lý và chi tiết trong đồ án.

Theo đơn vị tư vấn, trung tâm hành chính, chính trị thị trấn du lịch sẽ được phát triển tại trung tâm xã Đàm Thủy hiện hữu, đồng thời bổ sung thêm các công trình hành chính, chính trị cần thiết để đảm bảo trở thành không gian hành chính chính trị với các tiêu chí tương đương đô thị loại V. Điều này hoàn toàn phù hợp với Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn tỉnh Cao Bằng, và Quy hoạch xây dựng vùng trung du & miền núi phía Bắc.

Đặc biệt, đồ án đã bám sát Hiệp định hợp tác bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch Thác Bản Giốc đã được ký kết giữa hai Chính phủ Việt Nam và Trung Quốc cuối năm 2015; xác định rõ mô hình hợp tác (một khu hai nước) cũng như những tác động nhất định của Hiệp định tới việc phát triển du lịch, thu hút đầu tư, đảm bảo đời sống cho một bộ phận dân cư sinh sống tại khu vực khai thác chung.

Về cơ bản, các thành viên Hội đồng thẩm định nhất trí QHXD Khu du lịch Thác Bản Giốc đến năm 2030 được triển khai theo đúng quy trình, nội dung yêu cầu nghiên cứu được quy định tại các văn bản pháp luật, giải quyết được vấn đề phát triển du lịch gắn với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, bảo đảm an ninh quốc phòng và gìn giữ chủ quyền biên giới. Hội đồng cũng nhận định: Đồ án tuân thủ tốt Hiệp định khai thác chung khu cảnh quan thác Bản Giốc giữa Việt Nam và Trung Quốc đã được ký kết,

tuy nhiên, đây mới là Hiệp định khung, để triển khai thực hiện cần tiếp tục tiến hành nhiều bước chuẩn bị. Lãnh đạo tỉnh, đại diện Ủy ban Dân tộc và Ban Chỉ đạo Tây Bắc đều mong muốn sớm có một cơ chế hoạt động, phối hợp trong khu vực bảo vệ, khai thác tài nguyên du lịch thác Bản Giốc - Đức Thiên của hai phía Việt - Trung để tạo động lực phát triển cho Khu du lịch sau khi Hiệp định về bảo vệ, khai thác tài nguyên du lịch thác Bản Giốc - Đức Thiên đã được ký kết.

Trân trọng ghi nhận các ý kiến đóng góp của Hội đồng, thay mặt Chính quyền địa phương, Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng Hoàng Xuân Ánh bày tỏ mong muốn sớm có những cơ chế ưu tiên như vận dụng các chính sách trong các Khu kinh tế, Đặc khu hành chính... nhằm tạo điều kiện thu hút nhiều nguồn đầu tư cho các dự án trọng điểm (dự án xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng Sài Gòn - Bản Giốc resort; dự án xây dựng chùa Phật Tích Trúc Lâm Bản Giốc; dự án nâng cấp đầu tư xây dựng và chỉnh trang toàn bộ không gian từ tuyến đường vào động Ngườm Ngao cho tới khu vực động Ngườm Ngao...), với mục tiêu huy động mọi nguồn lực để phát triển.

Tổng hợp các nhận xét và đánh giá của Hội đồng, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đề nghị đơn vị tư vấn tập trung nghiên cứu sâu hơn một số nội dung trong đồ án như quy hoạch sử dụng đất, hạ tầng giao thông, công trình kiến trúc... nhằm tạo dựng hình ảnh đặc trưng, có bản sắc riêng cho Khu du lịch Thác Bản Giốc, khẳng định vai trò Khu du lịch trọng điểm Quốc gia của khu vực này. Thứ trưởng giao tư vấn phối hợp chặt chẽ với UBND tỉnh và các đơn vị chức năng hoàn chỉnh toàn bộ hồ sơ trong tháng 6/2016 để Bộ Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt QHXD Khu du lịch Thác Bản Giốc.

**Lệ Minh**

## **Nghiệm thu Dự thảo Tiêu chuẩn và Chỉ dẫn kỹ thuật của Viện Vật liệu Xây dựng**

Ngày 6/6/2016, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu Dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN ...: 2015 “Xi hạt lò cao nghiền mịn cho bê tông và vữa xây dựng” và Dự thảo Chỉ dẫn kỹ thuật “Xi gang và xi thép sử dụng làm vật liệu xây dựng” do Trung tâm Xi măng và Bê tông, Viện Vật liệu xây dựng thực hiện. TS. Lê Trung Thành - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Thay mặt nhóm biên soạn, ThS. Lê Việt Hùng - Chủ nhiệm dự án đã trình bày sự cần thiết, các căn cứ để xây dựng Dự thảo Tiêu chuẩn và Dự thảo Chỉ dẫn kỹ thuật. Với Dự thảo Tiêu chuẩn “Xi hạt lò cao nghiền mịn cho bê tông và vữa xây dựng” ThS. Lê Việt Hùng cho biết, ở nước ta hiện nay mỗi năm thải ra khoảng 600.000 tấn xi hạt lò cao và sẽ tăng mạnh trong thời gian sắp tới khi các dây chuyền sản xuất gang thép Formosa đi vào hoạt động (ước tính khoảng 3,7 triệu tấn vào năm 2016 và 7 triệu tấn vào năm 2020). Do vậy, cần phải có giải pháp để tiêu thụ lượng xỉ thải ra này. Theo tình hình thế giới cũng như nhu cầu trong nước hiện nay, xỉ lò cao nghiền mịn (gọi tắt là GGBFS) là một trong hai loại phế thải công nghiệp (cùng với tro nhiệt điện) được sử dụng nhiều nhất cho sản xuất bê tông, vữa, xi măng. Đối với xỉ lò cao cho sản xuất xi măng hiện nay đã có TCVN 4315:2007. Tiêu chuẩn này áp dụng cho xỉ hạt lò cao nghiền cùng với clanhke xi măng trong nhà máy, trong khi đó chúng ta chưa có tiêu chuẩn cho sản phẩm xỉ hạt lò cao nghiền mịn làm phụ gia khoáng cho bê tông và vữa xây dựng. Do đó cần thiết phải xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật đối với xỉ lò cao nghiền cho sản xuất bê tông và các loại vữa xây dựng trong bối cảnh loại sản phẩm này đang có xu hướng được sản xuất, cung cấp và sử dụng với khối lượng lớn. Nội dung Dự thảo này chủ yếu dựa theo tiêu



*Toàn cảnh Hội nghị nghiệm thu*  
chuẩn JIS A 6206:2013 Ground granulated blast-furnace slag for use in concrete của Nhật Bản và TCVN 4315:2007 Xi hạt lò cao cho sản xuất xi măng. Tất cả các chỉ tiêu đưa ra trong Dự thảo đều có so sánh và tham chiếu với các tiêu chuẩn nước ngoài khác: ASTM C989-14, GB/T18046-2008, BS EN 15167-1:2006, AS 3582-2:2001, IS 12089:1987 (2004). Tiêu chuẩn này áp dụng cho xỉ hạt lò cao nghiền mịn dùng làm phụ gia khoáng cho bê tông và vữa xây dựng. Xi hạt lò cao nghiền mịn đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật của tiêu chuẩn này cũng có thể sử dụng làm phụ gia khoáng cho sản xuất xi măng.

Mục đích xây dựng Dự thảo Tiêu chuẩn là để chúng nhận chất lượng của sản phẩm GGBFS, làm cơ sở cho cơ quan quản lý nhà nước khi có khiếu kiện về chất lượng của GGBFS, đồng thời làm cơ sở cho nhà sản xuất tuân theo. Đây cũng là cơ sở cho giải pháp tiêu thụ xỉ ngành luyện gang thép, đồng thời giúp hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn về vật liệu xây dựng trong quá trình hội nhập quốc tế về tiêu chuẩn.

Với Chỉ dẫn Kỹ thuật “Xi gang và xi thép sử dụng làm vật liệu xây dựng”, ThS. Lê Việt Hùng cho biết, có khoảng 7,2 triệu tấn phôi thép sản xuất tại Việt Nam năm 2014 từ các cơ sở sản xuất gang, thép, trong đó chủ yếu là từ các lò luyện thép hồ quang điện trên địa bàn cả nước.

Lượng gang thép sản xuất trong thời gian tới sẽ còn tăng nhanh khi các dự án gang thép lớn đang xây dựng và có kế hoạch vận hành trong năm 2015 và các năm sau đó. Cùng với sản lượng thép tăng nhanh, lượng xỉ gang, thép thải ra cũng rất lớn, đặc biệt sẽ tăng đột biến trong các năm 2015 và 2020 khi các dây chuyền sản xuất của dự án gang thép Formosa đi vào vận hành. Do đó, phương án tái chế và sử dụng xỉ gang, thép làm vật liệu xây dựng nhằm tránh các tác động tới môi trường là cần thiết. Trên cơ sở đó, Viện Vật liệu xây dựng đã đề xuất và được Bộ Xây dựng chấp thuận thực hiện dự án xây dựng Chỉ dẫn Kỹ thuật này.

Chỉ dẫn kỹ thuật này áp dụng cho việc sử dụng xỉ gang và xỉ thép làm vật liệu xây dựng, đồng thời làm cơ sở cho việc phân loại, xử lý tái chế và sử dụng xỉ gang, xỉ thép làm vật liệu xây dựng. Tài liệu này sẽ là căn cứ để chỉ ra cách phân loại, phạm vi ứng dụng, hướng dẫn sử dụng cho các loại xỉ ngành luyện gang thép đáp ứng yêu cầu của các nhà sản xuất, người sử dụng và các nhà quản lý. Tài liệu cũng đưa ra các khuyến nghị, quy định để nhà sản xuất gang, thép khi tạo ra xỉ phải có các biện pháp bảo đảm an toàn cho việc ứng dụng và an toàn với môi trường xung quanh, giúp thúc đẩy việc sử dụng xỉ của ngành luyện gang thép đang tăng lên rất nhanh ở Việt Nam trong những năm sắp tới.

TCVN...: 2015 “Xỉ hạt lò cao nghiền mịn cho bê tông và vữa xây dựng” có bố cục dựa theo quy định của TCVN với đầy đủ các nội dung cơ bản: Phạm vi áp dụng; Tài liệu viện dẫn; Thuật ngữ và định nghĩa; Quy định chung; Phân loại; Yêu cầu kỹ thuật; Phương pháp thử; Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản; Phụ lục; Phương pháp xác định chỉ số hoạt tính cường độ và tỷ lệ lưu động. Các chỉ tiêu kỹ thuật dựa theo một số tiêu chuẩn nước ngoài về yêu cầu kỹ thuật đối với GGBFS sử dụng cho bê tông, vữa. Các mức yêu cầu được dựa theo quy định tương ứng trong tiêu chuẩn nước ngoài tương

đương và có kiểm chứng với các kết quả thí nghiệm trên mẫu GGBFS tại Việt Nam. Phương pháp thử lấy theo các phương pháp tương ứng theo TCVN (nếu có) hoặc xây dựng mới dựa theo phương pháp thử tương tự trong TCVN hoặc nước ngoài phù hợp.

Chỉ dẫn kỹ thuật “Xỉ gang và xỉ thép sử dụng làm vật liệu xây dựng” được xây dựng trên cơ sở các kết quả thí nghiệm về tính chất của gang, thép ở Việt Nam và tham khảo các tài liệu hướng dẫn tương tự của nước ngoài cũng như các TCVN hiện hành. Bố cục tài liệu cũng được xây dựng với các nội dung cần thiết: Phạm vi áp dụng; Tài liệu viện dẫn; Phân loại; Tính chất của xỉ gang và xỉ thép; Hướng dẫn sử dụng xỉ gang, xỉ thép; Phụ lục; Tài liệu tham khảo.

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá cao tính cần thiết và ý nghĩa thực tế của đề tài, cũng như sự nghiêm túc trong quá trình tiến hành dự án của nhóm biên soạn. Tuy nhiên, để Dự thảo Tiêu chuẩn và Chỉ dẫn Kỹ thuật được hoàn thiện, Hội đồng đã đóng góp một số ý kiến về các nội dung như bỏ chỉ tiêu độ mịn, thống nhất thuật ngữ ở tiêu đề và nội dung bên trong, bổ sung chặt chẽ lượng xi măng sử dụng tại phụ lục, trình bày rõ nghĩa một số khái niệm... trong Dự thảo Tiêu chuẩn và cần chỉ rõ lĩnh vực khuyến cáo sử dụng, đưa vào khoảng biến động và các số liệu phân tích về xỉ tại Việt Nam, biên tập lại các ứng dụng theo từng mục riêng, sửa đổi một số câu chữ, một số bảng biểu còn chung chung trong Chỉ dẫn Kỹ thuật.

Phát biểu kết luận, Chủ tịch Hội đồng - TS.Lê Trung Thành nhất trí với các ý kiến của thành viên Hội đồng và lưu ý nhóm tác giả hoàn chỉnh các đề tài trên cơ sở tiếp thu các ý kiến đóng góp.

Cả Dự thảo Tiêu chuẩn và Chỉ dẫn Kỹ thuật đều được nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá.

**Kim Nhạn**

## **Hội nghị tập huấn Quy trình đánh giá an toàn kết cấu nhà ở và công trình công cộng**

Ngày 10/6/2016, tại Hà Nội, Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình phối hợp với Viện Khoa học công nghệ xây dựng tổ chức Hội nghị Tập huấn Quy trình đánh giá an toàn kết cấu nhà ở và công trình công cộng.

Tham dự Hội nghị có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng và gần 200 đại biểu là các chuyên gia trong lĩnh vực xây dựng, cán bộ Sở Xây dựng các tỉnh phía Bắc.

Hội nghị đã phổ biến kế hoạch triển khai Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 15/2/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Kiểm tra, rà soát, đánh giá an toàn chịu lực nhà ở và công trình công cộng cũ, nguy hiểm tại đô thị. Thủ tướng giao Bộ Xây dựng là chỉ đạo các cơ quan chuyên môn nghiên cứu, ban hành quy trình đánh giá, kiểm định an toàn chịu lực đối với nhà ở và các công trình công cộng; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng, kiểm định an toàn chịu lực và chính sách xử lý đối với nhà ở, công trình công cộng, các công trình chuyên ngành khác bị hư hỏng nặng, nguy hiểm, có nguy cơ sập đổ, không đảm bảo an toàn cho người sử dụng; Hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức rà soát, thống kê, đánh giá, kiểm định an toàn chịu lực đối với các nhà chung cư, nhà biệt thự, trụ sở làm việc, công trình công cộng và các công trình xây dựng khác có dấu hiệu nguy hiểm, mất an toàn tại các đô thị trên cả nước.

Bên cạnh đó, Hội nghị cũng phổ biến Quy trình đánh giá an toàn kết cấu nhà ở và công trình công cộng; hướng dẫn xác định chi phí đánh giá an toàn kết cấu nhà ở và công trình công cộng; hướng dẫn thực hành Quy trình đánh giá an toàn kết cấu nhà ở và công trình công cộng; hướng dẫn thực hành Quy trình đánh giá an toàn kết cấu nhà ở và công trình

công cộng tại hiện trường.

Hiện nay, số lượng nhà ở và các công trình công cộng, đặc biệt là nhà chung cư và biệt thự cũ ở cấp độ nguy hiểm trên cả nước đã lên đến con số hàng nghìn. Riêng Thủ đô Hà Nội có khoảng hơn 1.500 chung cư cũ với quy mô từ 2-5 tầng, chủ yếu được xây dựng từ năm 1960 đến cuối những năm 1980, ngoài ra còn một số nhà được xây dựng từ trước 1954. Trong đó, không ít công trình đã xuống cấp và hư hỏng, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn chịu lực của công trình, đe dọa đến tính mạng của người dân.

Ông Phạm Minh Hà - Cục trưởng Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng cho biết: Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc Kiểm tra, rà soát, đánh giá an toàn chịu lực nhà ở và công trình công cộng cũ, nguy hiểm tại đô thị, các đơn vị liên quan thuộc Bộ Xây dựng đã khẩn trương xây dựng Quy trình đánh giá an toàn kết cấu nhà ở và công trình công cộng và được Bộ Xây dựng ban hành theo Quyết định số 488/QĐ-BXD ngày 25/5/2016.

Quy trình này đã xét đến các yếu tố như những công trình nào đã được các địa phương đánh giá trong thời gian qua sẽ tiếp tục đối chiếu với các quy định về kỹ thuật, nếu phù hợp có thể sử dụng kết quả để giảm thời gian và chi phí, tránh lặp lại những công việc đã làm. Quy trình này nhằm khảo sát, đánh giá mức độ an toàn chịu lực kết cấu của nhà ở và nhà công cộng, đặc biệt chú trọng vào nhà chung cư xây dựng trước năm 1994, các biệt thự, trụ sở làm việc, công trình công cộng có tuổi thọ trên 60 năm.

Quy trình đánh giá an toàn kết cấu nhà được triển khai theo 2 giai đoạn. Giai đoạn 1: Khảo sát, đánh giá sơ bộ bằng phương pháp trực quan và chuyên gia, đưa ra các đánh giá dựa trên các dấu hiệu bên ngoài của các kết cấu. Kết luận của bước khảo sát này là công trình có



*Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng phát biểu tại Hội nghị*

cần thiết kể khảo sát chi tiết giai đoạn 2 hay không và nếu không thì sẽ có hướng xử lý khác.

Giai đoạn 2: Khảo sát đánh giá chi tiết bằng các dụng cụ và thiết bị chuyên dụng, thí nghiệm, tính toán và đánh giá mức độ an toàn của kết cấu nhà và công trình, từ đó đề xuất phương án xử lý tiếp theo: Tiếp tục sử dụng, sửa chữa, gia cường hoặc áp dụng các biện pháp can thiệp khác. Giai đoạn chỉ tiến hành đối với các nhà thuộc diện phải khảo sát chi tiết để đánh giá theo kết luận của giai đoạn 1.

Theo lộ trình, giai đoạn 1 sẽ được hoàn



*Các chuyên gia trong lĩnh vực xây dựng và cán bộ Sở Xây dựng các tỉnh phía Bắc tham dự Hội nghị thành trước 31/12/2106. Từ tháng 1/2017 sẽ triển khai giai đoạn 2.*

Đánh giá cấp độ nhà ở và công trình công cộng nguy hiểm lần lượt như sau: Cấp A là sử dụng bình thường, sửa chữa nhỏ. Cấp B là sử dụng bình thường, sửa chữa cấu kiện nguy hiểm. Cấp C là nguy hiểm cục bộ, sửa chữa, gia cường. Cấp D là nguy hiểm tổng thể, chống đỡ sơ tán tạm thời khi cần thiết.

**Trần Đình Hà**

## **Thanh polyme cốt sợi tổng hợp - những tính chất được cải thiện**

Tại nhiều quốc gia, thanh polymer (thép polymer) cốt sợi tổng hợp ngày càng được ưa chuộng và chiếm thị phần lớn dần trên thị trường xây dựng nhờ những ưu điểm vượt trội so với thép cốt truyền thống. Thép polymer cốt sợi tổng hợp luôn đòi kỹ thuật làm việc chuyên nghiệp, cũng như trình độ chuyên môn cao của đội ngũ kỹ sư và công nhân xây dựng.

Tuy nhiên, tại Nga hiện nay cũng như Liên Xô trước đây vẫn quan niệm sắt thép là lựa chọn hàng đầu, là thứ nguyên liệu bền vững được ứng dụng rất nhiều trong xây dựng công nghiệp (xây dựng đại trà).

Lĩnh vực áp dụng thanh polymer cốt sợi tổng

hợp khá rộng lớn. Vật liệu composite cốt sợi cacbon với ưu điểm là nhẹ, cường độ chịu kéo cao, module đàn hồi lớn và khả năng chống ăn mòn cao, là loại vật liệu thích hợp để sửa chữa và tăng cường khả năng chịu lực cho các kết cấu bê tông. Có nhiều nghiên cứu đã được thực hiện liên quan đến vấn đề sửa chữa và gia cường cho các kết cấu bê tông cốt thép bằng cách sử dụng vật liệu composite cốt sợi thủy tinh hoặc cốt sợi cacbon. Đối với các kết cấu bê tông cốt thép, sau một thời gian đưa vào khai thác và sử dụng, các vết nứt xuất hiện với bề rộng và mật độ lớn hơn giới hạn cho phép dẫn đến cốt thép bị ăn mòn, dẫn đến kết cấu bị suy



Thi công bê tông cốt sợi tổng hợp



Thanh polymer cốt sợi thủy tinh

giảm về khả năng chịu lực. Trong trường hợp này, thanh polymer cốt sợi tổng hợp sẽ tăng cường khả năng chịu lực cắt của dầm bê tông cốt thép..

Loại vật liệu này còn rất phù hợp trong các kết cấu bê tông ở môi trường xâm thực (chẳng hạn: Để đặt cốt cho các tấm bê tông làm đường nội đô, lớp phủ bê tông nhựa át phan, các tấm bê tông làm đường trong sân bay; khi xây dựng các công trình biển; làm móng khi cao độ nền dưới 0...). Vật liệu composite được ứng dụng như những liên kết mềm trong các kết cấu bao che do hệ số truyền nhiệt thấp nên tránh được sự hình thành các “câu lạnh”, đồng thời giảm đáng kể sự thất thoát nhiệt. Một lĩnh vực nữa cũng có thể ứng dụng cốt composite - xây các kết cấu móng. Vật liệu composite rất thích hợp để đặt cốt cho những móng mềm đặt nông, nhằm “tiếp nhận” ứng suất kéo căng thường xuất hiện khi uốn các tấm bê tông.

Thanh polymer cốt sợi tổng hợp có ưu điểm cả trong sản xuất và trong khai thác sử dụng. Đó là sự đơn giản và hiệu quả của công nghệ chế tạo, thiết bị sử dụng ít năng lượng và nguyên vật liệu, tính gọn nhẹ khép kín của dây chuyền công nghệ. Thanh polymer cốt sợi tổng hợp có cường độ cơ học lớn hơn (trong khi trọng lượng riêng nhỏ hơn), độ bền chống mòn gỉ cao hơn, tính truyền nhiệt thấp hơn so với cốt thép thông thường.

Tuy nhiên, vật liệu composite cũng có một

số nhược điểm cũng như một số đặc điểm về cấu trúc có thể ảnh hưởng nhất định đến kết cấu xây dựng như tính bền nhiệt thấp, module đàn hồi thấp (thấp hơn cả thép). Ngoài ra, vật liệu composite có độ dẻo khi chịu tải trọng tĩnh kéo dài và có cường độ thấp trong trường hợp thời gian kéo dài.

Khắc phục những nhược điểm trên đến nay vẫn là một bài toán đối với các nhà khoa học. Về nguyên tắc, vật liệu cốt sợi tổng hợp có thể là sợi thủy tinh, sợi bazan, sợi cacbon và sợi aramid được hợp nhất trong một khối bởi chất kết dính polymer có trong giai đoạn hình thành nhựa ở trạng thái dính nhớt, sau đó chuyển sang trạng thái dính đàn hồi. Thông thường, nhựa epoxy được sử dụng làm chất kết dính. Các kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng: Khi thay thế sợi thủy tinh bằng sợi cacbon theo một tỷ lệ nhất định, module đàn hồi sẽ tăng lên 20%.

Bên cạnh đó, chất lượng thanh polymer cốt sợi tổng hợp có thể được cải thiện rất nhiều nhờ sử dụng các cốt liệu khác nhau. Các loại khoáng chất có đất sét trong thành phần là một trong những loại cốt liệu có tiềm năng nhất của vật liệu composite cấu trúc nano. Trước hết, các phân tử nano thu nhận được sẽ đồng nhất về kích thước, bảo đảm đặc tính cơ học cao. Hơn nữa, vật liệu gốc rất nhẹ, lại rẻ tiền. Nhờ kích thước nano của các phân tử, vật liệu nanocomposite với silicat trong thành phần thể hiện những tính chất cơ học, đặc tính nhiệt và



đặc tính hóa lý cao hơn nhiều so với polymer “thuần khiết” hoặc polymer có hàm lượng nhỏ cốt liệu truyền thống.

Các đặc tính được cải thiện cơ bản của vật liệu là tăng module đàn hồi, cường độ, độ bền nhiệt, cải thiện tính thấm khí và dễ bắt lửa. Ống nano cacbon (carbon nanotube) có cấu trúc nano chiếm vị trí quan trọng trong các cốt liệu được dùng. Các phân tử cacbon hình trụ có các đặc tính rất thú vị - đặc tính dẫn điện, dẫn nhiệt được cải thiện mạnh; nâng cao độ bền - khiến chúng vô cùng hữu dụng trong nhiều ứng dụng của công nghệ nano, công nghiệp điện tử, vật lý quang học, và một số ngành khoa học vật liệu khác. Hiện nay, với sự phát triển của khoa học công nghệ, các ống nano vô cơ cũng đã được tổng hợp. Vai trò của chúng trong các vật liệu composite trên cơ sở polymer khá phong phú. Các ống nano sẽ khiến cho vật liệu composite trở nên cứng chắc, có độ biến dạng đàn hồi rất cao (tới 5%), do đó cải thiện ngưỡng cường độ khi kéo dãn so với polymer thông thường, nâng cao đặc tính về cường độ và độ cứng, gia tăng biên độ nhiệt độ hoạt động của vật liệu composite trên cơ sở polymer.

Các chuyên gia Nga vẫn đang tiếp tục nghiên cứu tìm tòi những bí quyết riêng trong việc áp dụng phụ gia cấu trúc nano. Viện Nghiên cứu khoa học Bê tông & Bê tông cốt thép mang tên A.Gvozdev (Liên bang Nga) đã thử nghiệm biến tính nhựa epoxy bằng những vật liệu cấu trúc nano có thành phần kim loại (đồng, niken và sắt). Nghiên cứu trên đưa ra một kết cấu khung cốt chắc chắn, tính chịu lực rất cao. Các thử nghiệm thanh polymer cốt sợi tổng hợp tại đây cũng cho kết quả là các đặc tính cơ - lý được cải thiện và rất ổn định, sức bền cao khi chịu tác động của môi trường kiềm - cường độ mất đi không đáng kể, khoảng 5% sau thử nghiệm tiêu chuẩn.

Kết quả thử nghiệm cho thấy module đàn hồi của thanh polymer cốt sợi cacbon nhỏ hơn khoảng 30% so với thép, nhưng có cường độ

chịu kéo gấp gần 4 lần. Thanh polymer cốt sợi thủy tinh, kết dính bằng polymer dạng nhựa epoxy là loại vật liệu không độc hại (mức độ ảnh hưởng đến con người và môi trường được xếp vào nhóm nguy cơ thứ 4, tức là ít nguy hiểm nhất - theo GOST 12.1.07). Vật liệu rất hiệu quả trong xây dựng dân dụng và xây dựng công nghiệp, xây dựng giao thông, trong các cấu kiện bê tông dự ứng lực thay thế cho cốt thép truyền thống.

Một số ưu điểm nổi bật của vật liệu này so với cốt thép truyền thống trong các kết cấu bê tông là:

- Cường độ kéo đứt cao gấp 3 lần cốt thép mác A-III;
- Không bị ăn mòn, kể cả trong môi trường kiềm của bê tông; bền trong axit;
- Không dẫn điện, có thể sử dụng cho các công trình bệnh viện, sân bay, trạm radar và các công trình quân sự;
- Tính dẫn nhiệt cực thấp: độ dẫn nhiệt của cốt composite thấp hơn 100 lần so với thép;
- Không hấp thụ sóng điện từ;
- Ở nhiệt độ thấp, vật liệu không mất đi các đặc tính của mình; trong khi cốt thép gia tăng độ giòn khi nhiệt độ giảm;
- Hệ số giãn nở nhiệt của cốt composite và bê tông tương đương nhau, do đó tránh được nứt vỡ khi nhiệt độ hoạt động thay đổi;
- Nhẹ hơn thép 5 lần, do đó cho phép giảm đáng kể khối lượng công việc khi tiến hành công tác bê tông, cốt thép;
- Độ bền có thể 80 năm hoặc lâu hơn.

Việc tìm kiếm những phụ gia phù hợp hơn để biến tính nhựa epoxy vẫn đang được tiến hành; và những kết quả thử nghiệm đầu tiên đã cho thấy các đặc tính cơ bản của cốt đã được cải thiện đáng kể .

**Elena Zlotnikova**

*Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 12  
(ngày 25/3/2016)*

**ND: Lê Minh**

## **Công trình gần như không hao phí năng lượng tại Trung Quốc**

Cụm từ “công trình không hao phí năng lượng” có lẽ ra đời sớm nhất vào năm 1976. Một nhóm các nhà nghiên cứu trong đó có Torben V. Esbensen thuộc trường Đại học Kỹ thuật Đan Mạch đã thông qua lý thuyết, tính toán và thử nghiệm để nghiên cứu về quá trình tận dụng tổng hợp nguồn năng lượng mặt trời phục vụ sưởi ấm vào mùa đông tại một ngôi nhà 1 tầng dành cho một hộ gia đình cư trú tại Đan Mạch, từ đó đưa ra khái niệm “công trình (nhà ở) không hao phí năng lượng”. Thông qua xử lý tỉ mỉ đối với lớp bảo ôn bên ngoài của kết cấu bảo vệ xung quanh ngôi nhà, thực hiện sưởi ấm cho công trình trong mùa đông với hao phí năng lượng giảm từ 20.000 kWh/a xuống còn 2.300 kWh/a. Ngoài ra, việc sử dụng thiết bị tích nhiệt mặt trời chủ động và bể tích trữ nước nóng đã cung cấp cho công trình nguồn nước nóng sinh hoạt và nhiệt lượng sưởi ấm vào mùa đông. Việc thực hiện “công trình không hao phí năng lượng” dạng bị động luôn yêu cầu sự bảo vệ tỉ mỉ, thiết kế chi tiết, sử dụng các thiết bị tính năng cao, do đó chi phí công trình cũng tăng cao.

Tại Trung Quốc, các kỹ thuật liên quan đến “công trình gần như không hao phí năng lượng” được áp dụng khá muộn. Cho đến những năm gần đây, các chính sách của nhà nước Trung Quốc mới bắt đầu quan tâm tới tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải. Kỹ thuật “công trình gần như không hao phí năng lượng” đóng vai trò là con đường hữu hiệu nhằm tiết kiệm năng lượng xây dựng. Năm 2010, “Ngôi nhà Hamburg, Đức” tại Hội chợ triển lãm thế giới Thượng Hải đã khiến người xem hết sức chú ý, đây chính là “công trình gần như không hao phí năng lượng” dạng bị động đầu tiên được nhập vào Trung Quốc và đã được chứng nhận. Quá trình thực hiện chức năng của công trình này đã thể hiện được 2 chiến lược “tối thiểu hóa nhu cầu” và “tối ưu hóa cung cấp”. “Tối thiểu hóa nhu cầu” là

thông qua tính cách nhiệt tốt, tính kín đáo và kết cấu thể tích chặt chẽ. “Tối ưu hóa cung cấp” có được là nhờ công trình luôn duy trì mức nhiệt trong nhà khoảng 25°C trong cả năm, đáp ứng yêu cầu thoải mái cho cơ thể con người tại không gian trong nhà trong điều kiện không có điện năng và không có sự hỗ trợ của các thiết bị điều hòa sưởi ấm. Năm 2014, “dự án công trình xanh hao phí năng lượng siêu ít dạng bị động” đã được Vụ Khoa học kỹ thuật, Bộ Nhà ở và Xây dựng đô thị - nông thôn đề xuất, Viện Nghiên cứu khoa học xây dựng Trung Quốc thực hiện. Tính đến tháng 10/2014, tổng cộng đã có 12 dự án trong toàn quốc, trong đó có 3 dự án nhà ở, 9 dự án công trình công cộng. Nhìn từ góc độ phân bố khu vực, có 2 dự án tại khu vực lạnh khắc nghiệt, 6 dự án tại khu vực lạnh, 2 dự án tại khu vực hè nóng, đông lạnh và 2 dự án tại khu vực hè nóng, đông ấm áp.

*Con đường kỹ thuật xây dựng “công trình gần như không hao phí năng lượng” dạng bị động*

Những năm gần đây, cùng với sự coi trọng không ngừng của Chính phủ Trung Quốc cũng như các nhà nghiên cứu đối với công tác tiết kiệm năng lượng trong xây dựng, sự ra đời của “công trình gần như không hao phí năng lượng” đã tạo sự hỗ trợ kỹ thuật tốt đẹp cho công tác tiết kiệm năng lượng trong xây dựng tại Trung Quốc. Thông qua các dự án thí điểm về “công trình gần như không hao phí năng lượng”, Trung Quốc đang tích cực tìm tòi con đường kỹ thuật xây dựng công trình không hao phí năng lượng, không ngừng tổng kết các kinh nghiệm kỹ thuật có liên quan, từ đó tìm ra con đường kỹ thuật trong phát triển “công trình gần như không hao phí năng lượng” dạng bị động phù hợp với tình hình thực tiễn.

*Con đường phát triển “công trình gần như không hao phí năng lượng” dạng bị động*

- Thống nhất định nghĩa, đặt ra mục tiêu phát triển trung và dài hạn

Cụm từ “công trình gần như không hao phí năng lượng” nghe có vẻ rất dễ lý giải, rất dễ định nghĩa, tuy nhiên, hiện tại vẫn chưa có sự tương đồng quốc tế về các vấn đề như phân chia ranh giới, phạm vi tính toán, chỉ tiêu đánh giá, hệ số chuyển đổi, chu kỳ cân bằng... khi nghiên cứu về công trình không hao phí năng lượng. Sự phân chia ranh giới vật lý có ảnh hưởng khá lớn đối với việc tính toán cân bằng hao phí năng lượng, vì vậy cần phải thống nhất định nghĩa trong phạm vi nội bộ Trung Quốc.

Hoàn thành tiết kiệm năng lượng không phải là việc một sớm một chiều và hoàn thành công trình “gần như không hao phí năng lượng” cũng không phải việc dễ dàng, vì vậy để “công trình gần như không hao phí năng lượng” có thể phát triển lâu dài cần thiết lập mục tiêu phát triển trung và dài hạn, đồng thời thống nhất công tác quy hoạch.

- Xác định rõ chỉ tiêu “công trình gần như không hao phí năng lượng” và các đặc trưng công trình

Một loạt các vấn đề chi tiết như chỉ tiêu môi trường không khí trong nhà, cách tính nhu cầu năng lượng sơ cấp, nhu cầu cấp nhiệt... cần được xác định rõ.

- Tính năng của các sản phẩm, thiết bị tiết kiệm năng lượng cần được nâng cao

Tính năng liên quan tới các sản phẩm và thiết bị tiết kiệm năng lượng quyết định trực tiếp tới đặc tính vận hành “công trình gần như không hao phí năng lượng” và đặc tính tiết kiệm năng lượng, hao phí năng lượng siêu thấp sau này. Vì vậy, thông qua cung cấp các thiết bị có tính năng tiết kiệm năng lượng để có thể đảm bảo hiệu quả việc hao phí năng lượng siêu thấp cho “công trình gần như không hao phí năng lượng”.

- Năng lượng tái sinh và hệ thống HVAC giúp hiệu quả tiết kiệm năng lượng nâng cao

Trong các công trình truyền thống, hệ thống thông gió và điều hòa không khí có mức tiêu thụ

năng lượng chiếm 40% hao phí năng lượng của công trình. Trong quá trình thi thiết kế và thi công “công trình gần như không hao phí năng lượng”, thông qua chỉnh thể hệ thống để nâng cao hiệu quả năng lượng của thiết bị điều hòa, cấp nhiệt, đồng thời sử dụng các thiết bị thu hồi nhiệt để giảm hao phí năng lượng cho toàn bộ công trình. Thông qua sử dụng hệ thống năng lượng tái sinh, ví dụ hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời, hệ thống quang điện năng lượng mặt trời, hệ thống chiếu sáng năng lượng mặt trời, hệ thống bơm địa nhiệt và hệ thống điện phong để giảm thiểu có hiệu quả hao phí năng lượng cho công trình.

- Giám sát, đánh giá và cải tiến đối với các công trình mẫu đã có

“Công trình gần như không hao phí năng lượng” có thể phát triển khoa học, lành mạnh không thể tách rời tác dụng của các công trình mẫu đã có, cho nên việc theo dõi các số liệu của công trình mẫu hết sức quan trọng. Thông qua phân tích số liệu về đặc tính tiết kiệm năng lượng và đặc tính vận hành của công trình đã có, tìm kiếm lộ trình kỹ thuật cho “công trình gần như không hao phí năng lượng” phù hợp với tình hình của đất nước, từ đó đánh giá và tiếp tục cải tiến các công nghệ, kỹ thuật có liên quan.

- Không thể hoàn toàn sao chép hệ thống kỹ thuật của nước ngoài mà cần thiết lập một hệ thống kỹ thuật phù hợp với tình hình đất nước

Hiện tại, hệ thống kỹ thuật “nhà bị động-công trình gần như không hao phí năng lượng” của Đức khá hoàn thiện, hơn nữa tiêu chuẩn nhà bị động của Đức tương đối cao, đặc biệt thích hợp sử dụng cho điều kiện khí hậu của nước này. Khác với Đức, Trung Quốc có diện tích đất đai rộng lớn với 5 vùng khí hậu khác nhau là khu vực lạnh khắc nghiệt, khu vực lạnh, khu vực hè nóng đông lạnh, khu vực hè nóng đông ấm và khu vực có khí hậu ôn hòa. Do điều kiện khí hậu khác nhau rất lớn, khả năng chống chọi với nóng và lạnh của công trình cũng rất cao, vì vậy, Trung Quốc cần phải xây dựng một

hệ thống chỉ tiêu kỹ thuật cho “công trình xanh hao phí năng lượng thấp” có liên quan tới số ngày sử dụng thiết bị sưởi ấm và số ngày sử dụng điều hòa.

Đặc điểm công trình tại Trung Quốc và Đức cũng có những khác biệt lớn. Nhà ở tại Trung Quốc đa phần là nhà cao tầng hoặc nhiều tầng, mật độ công trình lớn, diện tích lớn, tỷ lệ sử dụng căn hộ cũng có sự khác biệt lớn. Các công trình tại Đức có hệ số hình dạng khá nhỏ, khu vực công cộng trong công trình khá lớn, đồng thời, độ khó khi thực hiện các siêu tính năng trong công trình cao tầng rất lớn. So với các công trình tại Đức, các thói quen sinh hoạt của người dân Trung Quốc cũng tồn tại nhiều khác biệt. Người Trung Quốc có thói quen thông qua thông gió tự nhiên để giải quyết sự quá nhiệt bên trong ngôi

nhà, thói quen sinh hoạt tại mỗi một khu vực khác nhau, điều kiện kinh tế khác nhau sẽ có cách sinh hoạt khác nhau...

Hiện tại, “công trình gần như không hao phí năng lượng” đã trở thành xu thế phát triển mới trên toàn cầu, vì vậy, tích cực học tập, tìm hiểu các kinh nghiệm thành công của nước ngoài là điều cần thiết nhưng đồng thời vẫn cần căn cứ vào điều kiện của đất nước mình để đưa ra hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp nhất.

**Từ Vĩ, Lưu Chí Kiên**

*Nguồn: TC Xây dựng và Kiến trúc*

*Trung Quốc, số 4/2016*

**ND: Kim Nhạn**

## **Công nghệ BIM với dự án “Nhà thông minh” tại Saint Peterburg (Nga)**

Thành phố Saint Peterburg (Nga) đang xúc tiến hoàn thiện công trình Trung tâm thương mại được thiết kế theo tiêu chuẩn sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả. Tòa nhà thông minh này đáp ứng về cơ bản các tiêu chí hiệu quả năng lượng và sinh thái được quy định trong hệ tiêu chuẩn LEED của Mỹ (cấp độ “bạch kim”) và GREEN ZOOM của Nga. Ý tưởng ứng dụng các công nghệ mới hiệu quả năng lượng đã được hưởng ứng tích cực, từ người đặt hàng, chủ đầu tư, Tổng thầu cho tới các nhà tư vấn. Công trình độc đáo này được khởi công xây dựng từ đầu năm nay, và dự kiến sẽ hoàn thành sau một năm - quý I/2017.

Tổng diện tích của Trung tâm thương mại tương lai (ứng dụng công nghệ BIM trong thiết kế) xấp xỉ 1200 m<sup>2</sup>. Điều đáng nói ở đây không nằm trong quy mô công trình. Với việc ứng dụng tối đa các công nghệ sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả, công trình thể hiện những ưu điểm nổi bật về tính năng khai thác sử dụng BIM cho phép các nhà thiết kế tính toán được

những thông số cơ bản cho tòa nhà: Nhu cầu tiêu thụ năng lượng bình quân có thể giảm tới 30%; nhu cầu tiêu thụ nhiệt giảm 45%; nhu cầu tiêu thụ nước giảm 20% so với những công trình thương mại khác mới là điều đáng nói về tòa nhà thông minh này.

Các giải pháp tiết kiệm năng lượng được áp dụng trong quá trình thi công tòa nhà này có cải thiện đặc tính nhiệt của tường; lắp kính có hệ số xuyên sáng rất thấp (SHGC = 0,4); cửa sổ có hệ số truyền nhiệt thấp (1,1 w/m<sup>2</sup>K); tự động giảm nhiệt độ trung bình bên trong tòa nhà vào các buổi đêm; quản lý tự động việc phát thải CO<sub>2</sub> thông qua các bộ cảm biến đặc biệt; chiếu sáng thông minh; hệ thống thu hồi nhiệt với hiệu suất hơn 80%; hệ thống thông gió thông khí sử dụng năng lượng rất ít; bóng đèn LED tiết kiệm năng lượng và các panel pin mặt trời với hệ số tiêu thụ điện năng bằng 0 dành cho việc chiếu sáng các khu vực ngoài trời và đường đi quanh nhà...

Trong dự án có cả những giải pháp chỉ các



*Tòa nhà thông minh - trung tâm thương mại  
tại Saint Peterburg*

chuyên gia trong cùng lĩnh vực mới hiểu rõ. Chẳng hạn: Làm mờ tất cả các bóng đèn chiếu sáng bên ngoài, giảm độ sáng đi 50% từ 23h00 đêm đến 06h00 sáng hôm sau; sử dụng các thiết bị trao đổi nhiệt và các bộ cảm biến để điều hòa nhiệt độ bên trong tòa nhà; lắp đặt các thiết bị chuyên dụng để giảm lượng nước nóng tiêu hao, qua đó nhu cầu tiêu thụ nhiệt năng giảm nhiều lần...

Vấn đề sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả ngày càng nhận được sự quan tâm của các nhà đầu tư trong nước. Trong năm 2015, có 07 công trình bất động sản thương mại lớn trên toàn Liên bang Nga đã được cấp chứng nhận GREEN ZOOM, trong đó có Trung tâm hành chính - làm việc Nepsky (Saint Peterburg), Trung tâm văn phòng - thương mại Xenat và Palladium (Ekaterinburg), Trung tâm thương mại Suvar Plaza (Kazan)... Tổng diện tích của các công trình được cấp chứng nhận trong năm 2015 là hơn 500 nghìn m<sup>2</sup>. Theo đánh giá của các nhà phân tích và kinh tế học xây dựng, việc vận hành các công trình này tiết kiệm được 5,7 triệu Mw/h năng lượng, tương đương 25 triệu rúp (khoảng 400 nghìn USD).

Xây dựng tiết kiệm năng lượng - cũng như những trào lưu mới khác - trải qua chặng đường không hề bằng phẳng để có thể phát triển tại Nga. Một trong những trở ngại là do các nhà đầu tư chưa có đủ thông tin về hệ thống kỹ thuật cải tiến, cũng như chưa có nhiều ví dụ trực

quan để so sánh, phân tích. Theo bà Vera Burtseva - Trưởng nhóm nghiên cứu hệ thống cải thiện các đặc tính sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả và sinh thái của các công trình bất động sản theo tiêu chí GREEN ZOOM: Tòa nhà thông minh tại Saint Peterburg sẽ là một minh chứng tốt nhất cho hiệu quả ứng dụng BIM vào xây dựng các công trình tiết kiệm năng lượng. Cần nói thêm rằng thời điểm lựa chọn để triển khai dự án này quyết định một phần lớn thành công của dự án. Việc ứng dụng công nghệ BIM, sử dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng khi đó đã được Chính phủ Liên bang và Bộ Xây dựng Nga ủng hộ tích cực. Năm 2009, Luật số 261-F3 “Về tiết kiệm năng lượng và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng tiết kiệm” đã được Chính phủ Nga thông qua. Chương trình mục tiêu quốc gia cũng đã xem xét vấn đề tới năm 2020 sẽ giảm việc tiêu thụ năng lượng trong các lĩnh vực kinh tế khác nhau - trong đó có xây dựng - tới 40%. Những tòa chung cư tiết kiệm năng lượng trong khuôn khổ các chương trình nhà ở bắt đầu xuất hiện từ đầu những năm 2000, và ngày càng được nhân rộng tại nhiều thành phố lớn của Liên bang Nga như Moskva, Saint Peterburg, Ekaterinburg, Nizhny Novgorod... Căn nhà ở đầu tiên xây theo tiêu chí tiết kiệm năng lượng của Nga đã xuất hiện ở quận Nikulino (Moskva) năm 2001.

Xét theo khía cạnh khác, ở thời điểm hiện tại, trào lưu xây dựng nhà ở dạng tiết kiệm đã bắt đầu chững lại, không còn phát triển rộng rãi tại Nga như thời gian trước, vấn đề mấu chốt chính là giá cả. Nhiều nhà đầu tư nhận thấy những nhược điểm căn bản của các dự án nhà ở dạng tiết kiệm là giá thành của các công nghệ xây dựng được áp dụng vẫn khá cao, dẫn tới giá mỗi mét vuông nhà cũng tương ứng như vậy.

Với phân khúc xây dựng thương mại, những tòa nhà văn phòng “xanh” được cấp chứng nhận tại Nga hiện nay đã khá nhiều - nhất là tại các đô thị lớn như Moskva và Saint Peterburg. Bên cạnh những công trình xây mới theo tiêu chuẩn

“xanh”, có khá nhiều công trình đã được hoàn thiện một thời gian, sau đó được nâng cấp, “đổi thương hiệu” và trở thành công trình xanh.

Theo bà Ksenia Agapova - Giám đốc dự án kiêm nhà quản lý chính định hướng ứng dụng công nghệ sinh thái cải tiến của dự án - trong phân khúc bất động sản thương mại, hơn 2 triệu mét vuông sàn đã được chứng nhận đạt tiêu chuẩn xanh thời gian qua, con số này đang tiếp tục tăng lên từng ngày. Trên thị trường này, một dự án đạt chất lượng không thể không áp dụng công nghệ “xanh”. Tòa nhà thông minh tại Saint Peterburg hoàn toàn đáp ứng tiêu chuẩn của một tòa nhà văn phòng hiện đại hạng A. Một điều quan trọng nữa làm nên thành công cho dự án là đánh giá đúng và ứng dụng các công nghệ cải tiến một cách hợp lý và có hệ thống. Ví dụ như chiếu sáng đường phố xung quanh

bằng năng lượng mặt trời là một phương pháp thông minh và hiện đại, song không phải khả dụng với bất cứ dự án nào. Ở dự án Trung tâm thương mại Saint Peterburg, BIM hỗ trợ đắc lực trong việc phân tích các chỉ số vận hành của tòa nhà tương lai, từ đó chỉ ra các chỉ số hiệu quả năng lượng trên thực tế là đạt hay không đạt. Cũng theo bà K. Agapova, do thiếu việc áp dụng các công nghệ xanh một cách có hệ thống mà ở nhiều dự án các chỉ số theo thiết kế không thể đạt được, hoặc chỉ đạt ở mức quá khiêm tốn.

**Sergey Nikolaev**

*Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 15  
(ngày 15/4/2016)*

**ND: Lê Minh**

## **Bộ trưởng Bộ Xây dựng tiếp Phó Chủ tịch Ngân hàng Thế giới Victoria Kwakwa**

Ngày 6/6/2016 tại Hà Nội, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà đã có buổi tiếp và làm việc với Bà Victoria Kwakwa - Phó Chủ tịch Ngân hàng Thế giới (WB).

Dự buổi làm việc, về phía Bộ Xây dựng có Thứ trưởng Lê Quang Hùng và lãnh đạo các Cục, Vụ có liên quan. Phía WB có Quyền Giám đốc quốc gia Achim Fock và các chuyên gia cao cấp thuộc các lĩnh vực đô thị, phát triển đô thị, nước, vệ sinh môi trường.

Tại buổi làm việc, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà bày tỏ sự vui mừng đón tiếp Phó Chủ tịch Victoria Kwakwa cùng đoàn công tác của WB. Đánh giá cao sự hỗ trợ, giúp đỡ quan trọng của WB đối với Bộ Xây dựng trong thời gian qua, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà mong muốn trong thời gian tới WB tiếp tục hỗ trợ Bộ Xây dựng trong việc hoàn thiện hệ thống thể chế chính sách, phát triển đô thị bền vững, hiệu quả, thể hiện vai trò là động lực phát triển của nền kinh tế đất nước.

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà cho biết, hiện nay đô thị hóa ở Việt Nam đang diễn ra với tốc độ nhanh chóng nhưng vẫn còn một số mặt bất cập. Do đó, Việt Nam mong WB tiếp tục chia sẻ những kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới, giúp Việt Nam xây dựng những công cụ quản lý hữu hiệu để kiểm soát hiệu quả tốc độ đô thị hóa.

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà đề xuất WB chia sẻ mô hình các dịch vụ quản lý đô thị ở các nước tiên tiến trên thế giới và hỗ trợ đào tạo cán bộ cho Bộ Xây dựng và cho đội ngũ công chức quản lý, cán bộ chuyên môn của các đô thị ở Việt Nam vì đây là lực lượng đóng vai trò rất quan trọng trong việc đảm bảo sự phát triển hài hòa, hiệu quả và bền vững của các đô thị.

Theo đánh giá của các nhà khoa học trong nước và quốc tế, Việt Nam là một trong những quốc gia chịu tác động mạnh mẽ của biến đổi



*Bộ trưởng Phạm Hồng Hà tại buổi làm việc*

khí hậu, nước biển dâng, do đó Bộ trưởng Phạm Hồng Hà mong muốn WB hỗ trợ Bộ Xây dựng hoạch định chính sách và các mô hình quản lý cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng cấp thoát nước và xử lý nước thải, xử lý chất thải rắn.

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà đề xuất WB phối hợp cùng các cơ quan của Việt Nam minh bạch hóa các chỉ số năng lực cạnh tranh ở Việt Nam để Bộ Xây dựng công khai, minh bạch trong việc cấp phép xây dựng, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Bên cạnh đó, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà mong muốn WB hỗ trợ Bộ Xây dựng triển khai Dự án nâng cấp đô thị vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, Chương trình phát triển đô thị miền núi phía Bắc, Dự án cấp nước vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, hỗ trợ Chương trình phát triển nhà ở xã hội ở Việt Nam, đặc biệt là nhà ở của người dân tại những vùng chịu nhiều ảnh hưởng của thiên tai.

Phó Chủ tịch WB Victoria Kwakwa đánh giá cao những đề xuất hợp tác giữa Bộ Xây dựng với WB do Bộ trưởng Phạm Hồng Hà đưa ra và cho biết, đó cũng chính là những nội dung quan trọng mà WB muốn trao đổi, hợp tác và hỗ trợ Bộ Xây dựng trong thời gian tới.

Phó Chủ tịch WB Victoria Kwakwa cho biết,



Phó Chủ tịch WB Victoria Kwakwa tại buổi làm việc đô thị hóa là một quá trình quan trọng đối với Việt Nam và có nhiều tiềm năng tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế. Trong Báo cáo Việt Nam 2015, WB đã đưa ra nhiều phân tích, đánh giá nhằm đảm bảo các thành phố của Việt Nam có mật độ dân số phù hợp, tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển bền vững của các đô thị, đồng thời khẳng định WB sẵn sàng hỗ trợ Việt Nam xây dựng hệ thống thể chế chính sách trong lĩnh vực xây dựng, đặc biệt là xây dựng Luật Quản lý phát triển đô thị.

Phó Chủ tịch WB Victoria Kwakwa cho biết Ngân hàng Thế giới dành nhiều sự quan tâm đối với Dự án cấp nước cho vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và đã dành khoản tiền khoảng 7 triệu USD để hỗ trợ Việt Nam triển khai Dự án này, đồng thời mong muốn Bộ Xây dựng xem xét, đề xuất thứ tự ưu tiên của các đô thị thuộc



Quang cảnh buổi làm việc các tỉnh nhận hỗ trợ từ dự án phát triển đô thị do WB tài trợ.

Đối với đề xuất hỗ trợ Chương trình phát triển nhà ở xã hội, đặc biệt là nhà ở cho người dân sống ở các vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, Phó Chủ tịch Ngân hàng Thế giới Victoria Kwakwa cho biết WB sẽ xem xét hỗ trợ Bộ Xây dựng khi Chương trình phát triển nhà ở xã hội được Chính phủ Việt Nam đưa vào danh mục ưu tiên.

Bà Victoria Kwakwa cảm ơn Bộ trưởng Phạm Hồng Hà đã chu đáo đón tiếp đoàn công tác của WB, đồng thời chúc Bộ Xây dựng cũng như chúc cá nhân Bộ trưởng Phạm Hồng Hà đạt được những thành tựu to lớn hơn nữa trong nhiệm kỳ 2016 - 2020.

Trần Đình Hà

## **Bộ trưởng Cuba Rene Mesa Villafana sang thăm và làm việc với Bộ Xây dựng**

Sáng ngày 13/6 tại Hà Nội, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà đã có buổi tiếp đoàn công tác của Bộ Xây dựng Cuba do đồng chí Bộ trưởng Rene Mesa Villafana dẫn đầu đang có chuyến thăm và làm việc tại Việt Nam. Tham dự buổi tiếp có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng và lãnh đạo các Cục, vụ, viện, văn phòng Bộ Xây dựng, Tổng Công ty Viglacera - CTCP.

Vui mừng được đón tiếp đồng chí Bộ trưởng Rene Mesa Villafana và đoàn công tác của Bộ

Xây dựng Cuba sang thăm và làm việc với Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà khẳng định, chuyến thăm này của đồng chí Bộ trưởng Bộ Xây dựng Cuba là một sự kiện quan trọng, góp phần thúc đẩy quan hệ hợp tác đầu tư, kinh tế, thương mại giữa hai nước Cuba và Việt Nam nói chung và giữa Bộ Xây dựng Việt Nam và Bộ Xây dựng Cuba nói riêng.

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà cho biết, chức năng, nhiệm vụ của 2 Bộ có nhiều điểm tương





*Bộ trưởng Phạm Hồng Hà tại buổi tiếp Bộ trưởng Rene Mesa Villafana*

đồng, do đó cơ hội hợp tác, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của 2 Bộ là rất lớn.

Theo Bộ trưởng Phạm Hồng Hà, kể từ Đại hội VI Đảng Cộng sản Cuba cho đến Đại hội VII được tổ chức thành công vào tháng 4/2016, những kết quả, thành tựu của việc cập nhật hóa mô hình kinh tế của Cuba là rất ấn tượng, đặc biệt việc bình thường hóa quan hệ giữa Cuba và một số nước đối tác thương mại lớn đã mở ra cho Cuba nhiều cơ hội và triển vọng hợp tác đầu tư, kinh tế - thương mại với các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà mong muốn đồng chí Bộ trưởng Rene Mesa Villafana tạo các điều kiện thuận lợi để thúc đẩy hợp tác giữa hai nước, trong đó có các doanh nghiệp của Việt Nam, của Bộ Xây dựng trong thời gian tới, quan tâm chỉ đạo để sớm hình thành quan hệ hợp tác của T Cty Viglacera với các đối tác Cuba trong việc thành lập liên doanh sản xuất gạch ốp lát cao cấp, sứ vệ sinh cao cấp tại Cuba và xuất khẩu các sản phẩm của Viglacera sang thị trường Cuba.

Về phía Bộ Xây dựng Việt Nam, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà khẳng định luôn sẵn sàng chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm với Bộ Xây dựng Cuba; tạo điều kiện và hỗ trợ Công ty Xây dựng Dinvai của Cuba hoạt động hiệu quả tại Việt Nam.

Cám ơn sự đón tiếp trọng thị của Bộ trưởng Phạm Hồng Hà và các cộng sự của Bộ Xây



*Lễ ký kết thỏa thuận giữa Viglacera và Tập đoàn VLXD Cuba*

dựng Việt Nam, Bộ trưởng Rene Mesa Villafana bày tỏ vui mừng lần đầu tiên được sang thăm Việt Nam và làm việc với Bộ Xây dựng, đồng thời chúc mừng đồng chí Phạm Hồng Hà được Quốc hội Việt Nam tin nhiệm giao cho trọng trách là Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Bộ trưởng Rene Mesa Villafana cho biết, một trong những mục tiêu quan trọng của Nghị quyết Đại hội VII Đảng Cộng sản Cuba đã thông qua đó là tập trung phát triển cơ sở hạ tầng - nhiệm vụ nặng nề này thuộc trách nhiệm của Bộ Xây dựng Cuba. Theo đó, để phát triển các công trình hạ tầng như cầu, cống, đường sá, khu công nghiệp, hạ tầng du lịch... Cuba cần có một nền công nghiệp vật liệu xây dựng (VLXD) phát triển. Do đó, Cuba đang tìm kiếm sự hợp tác, hỗ trợ từ các nước bạn bè truyền thống, trong đó có Việt Nam để phát triển ngành VLXD. Trong thời gian qua, Tập đoàn VLXD Cuba đã tích cực làm việc, đàm phán với T Cty Viglacera của Việt Nam để tiến tới ký kết hợp đồng liên doanh sản xuất gạch ốp lát cao cấp, sứ vệ sinh cao cấp. Bộ trưởng Rene Mesa Villafana khẳng định sẽ tạo mọi điều kiện tốt nhất cho các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là T Cty Viglacera trong việc đầu tư sản xuất gạch ốp lát, sứ vệ sinh ở Cuba.

Trong chương trình công tác tại Việt Nam, Bộ trưởng Rene Mesa Villafana đã đến thăm và làm việc tại Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam (VICEM) và Tổng Công ty Viglacera -



*Bộ trưởng Rene Mesa Villafana thăm Cty Sứ Viglacera Thanh Trì*

CTCP trực thuộc Bộ Xây dựng. Tại Tổng Công ty VICEM, Chủ tịch VICEM Lương Quang Khải bày tỏ vui mừng và chào đón Bộ trưởng Rene Mesa Villafana và đoàn công tác của Bộ Xây dựng Cuba đến thăm Tổng Công ty, đồng thời chúc Bộ trưởng và đoàn công tác có chuyến thăm và làm việc thành công tại Việt Nam.

Báo cáo Bộ trưởng Rene Mesa Villafana về tổ chức và hoạt động của VICEM, Chủ tịch VICEM Lương Quang Khải cho biết, hiện nay TCty VICEM có 28 đơn thị thành viên, tổng số 13.000 cán bộ, công nhân viên, và sản xuất khoảng 25 triệu tấn xi măng/năm, đáp ứng hơn 36% nhu cầu xi măng của cả nước, xuất khẩu xi măng của VICEM đạt 2 triệu tấn/năm. TCty VICEM hoạt động trong nhiều lĩnh vực như sản xuất, kinh doanh xi măng và các sản phẩm VLXD như bê tông, cốt liệu, vật liệu xây không nung, vôi công nghiệp...; tư vấn đầu tư xây dựng và phát triển xi măng, nghiên cứu ứng dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

Tại buổi tiếp và làm việc với Bộ trưởng Rene Mesa Villafana, Tổng Giám đốc VICEM Trần Việt Thắng cho biết, các dây chuyền công nghệ sản xuất xi măng của VICEM đều được nhập khẩu từ các nước tiên tiến châu Âu như Đan Mạch, Đức, Pháp; nguyên liệu được sử dụng chủ yếu là than nhập khẩu từ Indonesia, Úc.

Đánh giá cao vai trò của VICEM trong việc góp phần giúp công nghiệp xi măng Việt Nam



*Bộ trưởng Rene Mesa Villafana làm việc tại VICEM*

khẳng định vị trí hàng đầu trên thế giới, Bộ trưởng Rene Mesa Villafana cho biết, hiện nay Cuba đang mong muốn phát triển ngành công nghiệp VLXD, trong đó có xi măng, để phục vụ công cuộc xây dựng cơ sở hạ tầng. Bộ trưởng Rene Mesa Villafana đặc biệt quan tâm đến các vấn đề về công nghệ sản xuất xi măng, nguyên liệu, chi phí năng lượng trong sản xuất xi măng của VICEM, đồng thời mong muốn hợp tác với VICEM trong công tác đào tạo cán bộ trình độ cao trong sản xuất xi măng.

Bộ trưởng Rene Mesa Villafana và đoàn công tác của Bộ Xây dựng Cuba cũng đã đến thăm Công ty Sứ Viglacera Thanh Trì, Khu Đô thị Đặng Xá, Công ty CP Viglacera Tiên Sơn, Công ty CP Viglacera Hạ Long và làm việc với Ban lãnh đạo TCty Viglacera.

Báo cáo khái quát với Bộ trưởng Rene Mesa Villafana về quá trình xây dựng và trưởng thành của TCty Viglacera, Tổng Giám đốc Nguyễn Anh Tuấn khẳng định, hiện nay Viglacera đã trải qua nhiều giai đoạn phấn đấu, tái cơ cấu và trở thành một doanh nghiệp hàng đầu của Bộ Xây dựng trong lĩnh vực sản xuất VLXD, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, phát triển bất động sản, tiên phong trong lĩnh vực phát triển nhà ở xã hội.

Phát biểu tại buổi làm việc với lãnh đạo TCty Viglacera, Bộ trưởng Rene Mesa Villafana cho biết, hơn một năm nay, với mục tiêu nghiên cứu

việc thành lập công ty liên doanh với Viglacera về sản xuất sứ vệ sinh và gạch ốp lát, Bộ Xây dựng Cuba đã tìm hiểu kỹ về Viglacera và thấy được sự phát triển rất mạnh mẽ của Viglacera - một đơn vị có tổ chức chặt chẽ và kinh doanh hiệu quả.

Theo Bộ trưởng Rene Mesa Villafana, mặc dù hiện nay cũng có nhiều đối tác, doanh nghiệp nước ngoài muốn hợp tác đầu tư, kinh doanh tại Cuba trong lĩnh vực VLXD, nhưng với những tình cảm tốt đẹp và quan hệ hữu nghị truyền thống lâu đời với Việt Nam, phía Cuba mong muốn hợp tác với TCty Viglacera để thành lập một liên doanh đầu tiên với Việt Nam để sản xuất và kinh doanh sứ vệ sinh, gạch ốp lát tại Cuba.

Với nhu cầu rất lớn của thị trường Cuba nói riêng và thị trường Mỹ La tinh nói chung, cùng

với tiềm lực và kinh nghiệm của Viglacera, Bộ trưởng Rene Mesa Villafana tin tưởng rằng, sau khi được thành lập và đi vào hoạt động, công ty liên doanh giữa Viglacera và Tập đoàn VLXD của Cuba sẽ thành công và ngày càng phát triển. Về phần mình, Bộ trưởng Rene Mesa Villafana khẳng định, Bộ Xây dựng Cuba sẽ làm hết sức mình và tạo điều kiện thuận lợi cho công ty liên doanh với Viglacera đi vào vận hành hiệu quả.

Chiều ngày 14/6, tại trụ sở TCty Viglacera, Bộ trưởng Rene Mesa Villafana và các thành viên đoàn công tác của Bộ Xây dựng Cuba đã chứng kiến Lễ ký kết Thỏa thuận tiến độ công việc thành lập liên doanh giữa TCty Viglacera và Tập đoàn VLXD Cuba.

**Minh Tuấn**

## **Đảng ủy Khối cơ quan Trung ương làm việc với Đảng ủy Bộ Xây dựng**

Ngày 9/6/2016, Đoàn Công tác của Đảng ủy Khối cơ quan Trung ương do Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Đảng ủy Khối Nguyễn Quang Dương dẫn đầu đã có buổi làm việc với Đảng ủy Bộ Xây dựng.

Tiếp và làm việc với đoàn có Thứ trưởng Lê Quang Hùng - Bí thư Đảng ủy Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Đỗ Đức Duy và các đồng chí trong Ban thường vụ Đảng ủy Bộ Xây dựng.

Phát biểu tại buổi làm việc, Bí thư Đảng ủy Khối cơ quan Trung ương Nguyễn Quang Dương cho biết, thực hiện Chương trình làm việc của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối, Thường trực Đảng ủy Khối có cuộc làm việc với Đảng ủy Bộ Xây dựng về tình hình tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai Nghị quyết của Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết của Đảng bộ Khối, Nghị quyết của Đảng bộ Bộ Xây dựng; Các vấn đề về xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp giữa Đảng ủy và Ban Cán sự Đảng,

lãnh đạo Bộ Xây dựng; Các kết quả của việc bố trí, sắp xếp cán bộ chuyên trách công tác Đảng theo Quy định 215 của Ban Bí thư.

Thay mặt Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Xây dựng, đồng chí Lê Văn Toàn - Phó Bí thư Đảng ủy Bộ Xây dựng đã trình bày Báo cáo của Đảng ủy Bộ Xây dựng.

Theo Báo cáo, ngay sau Đại hội, Đảng ủy Bộ Xây dựng khóa VIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020 đã thực hiện sắp xếp, kiện toàn các tổ chức Đảng, phân công nhiệm vụ các ủy viên Ban chấp hành; ban hành: Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ Xây dựng nhiệm kỳ 2015 - 2020; Chương trình Công tác của Đảng bộ nhiệm kỳ 2015 - 2020; Chương trình công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng của Đảng ủy Bộ nhiệm kỳ 2015 - 2020; Quy chế làm việc của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Bộ nhiệm kỳ 2015 - 2020; Chương trình công tác của Đảng bộ Bộ Xây dựng năm 2016.



*Thứ trưởng, Bí thư Đảng ủy Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng phát biểu tại buổi làm việc*

Đảng ủy Bộ Xây dựng đã phối hợp với Ban Cán sự Đảng tổ chức Hội nghị học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Chương trình hành động của Ngành Xây dựng cho 180 cán bộ lãnh đạo chủ chốt của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Xây dựng; sao gửi các cấp ủy trực thuộc Thông báo nhanh kết quả Đại hội lần thứ XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XII của Đảng bộ Khối và yêu cầu các cấp ủy đảng trực thuộc tổ chức Hội nghị quán triệt và tổ chức sinh hoạt chuyên đề theo Kế hoạch số 03-KH/DUK của Đảng ủy Khối. Tính đến thời điểm báo cáo đã có 10 tổ chức Đảng trực thuộc tổ chức quán triệt Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XII Đảng bộ Khối đến toàn thể cán bộ, đảng viên và người lao động.

Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ Xây dựng đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội XII Đảng bộ Khối và Nghị quyết Đại hội VIII Đảng bộ Bộ Xây dựng.

Đảng ủy và Ban Cán sự Đảng Bộ Xây dựng đã ban hành Quy chế số 01-QC/BCSD-ĐU về mối quan hệ công tác giữa Ban Cán sự Đảng và Đảng ủy Bộ. Đảng ủy đã phối hợp chặt chẽ với Ban Cán sự Đảng trong việc tổ chức học tập, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Ban Cán sự Đảng đã kịp thời thông báo với Đảng ủy Bộ những chủ trương, quyết định có liên quan đến nhiệm vụ của cơ quan Bộ để Đảng ủy tham



*Toàn cảnh buổi làm việc*

gia góp ý kiến. Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ đã tham gia với Ban Cán sự Đảng trong công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ là đảng viên của Đảng bộ. Đảng ủy Bộ xin ý kiến Ban Cán sự Đảng về chủ trương sắp xếp, kiện toàn tổ chức đảng của Đảng bộ Bộ Xây dựng và dự kiến nhân sự cấp ủy các đảng bộ, chi bộ trực thuộc Đảng ủy Bộ là cán bộ thuộc diện Ban Cán sự Đảng quản lý...

Đảng ủy Bộ đã xây dựng Dự thảo Đề án thành lập Văn phòng Đảng - Đoàn thể theo Quy định số 215-QĐ/TW của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Đảng ủy cấp trên cơ sở thuộc Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương.

Thay mặt Thường trực Đảng ủy Khối, đồng chí Nguyễn Quang Dương hoan nghênh Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Xây dựng đã rất trách nhiệm và nghiêm túc trong việc chuẩn bị báo cáo và các tài liệu liên quan cũng như tổ chức buổi làm việc với đông đủ thành phần, điều này thể hiện sự quan tâm của đồng chí Bí thư Đảng ủy và Đảng ủy Bộ trong công tác Đảng.

Đồng chí Nguyễn Quang Dương cũng ghi nhận những nỗ lực của Đảng ủy Bộ Xây dựng trong việc nhanh chóng kiện toàn tổ chức, chủ động và khẩn trương xây dựng các quy chế hoạt động, chương trình công tác, lãnh đạo Đảng bộ hoạt động thông suốt, các chương trình kế hoạch của Đảng ủy Bộ Xây dựng được

ban hành khá đầy đủ; Đảng ủy Bộ Xây dựng đã triển khai quán triệt Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp theo đúng lộ trình và kế hoạch; các chương trình hành động được ban hành đã bám sát các nhiệm vụ chính trị và được triển khai bài bản. Quy chế phối hợp giữa Đảng ủy và Ban Cán sự Đảng được ban hành phù hợp với quy định của Trung ương...

Đồng chí Nguyễn Quang Dương cũng lưu ý Đảng ủy Bộ Xây dựng cần luôn quan tâm đến công tác Đảng, trong đó có việc bồi dưỡng, tập huấn cán bộ lãnh đạo cấp ủy các chi bộ, đảng bộ trực thuộc; tăng cường hơn nữa việc quản lý đảng viên, đánh giá đảng viên, bảo vệ chính trị

nội bộ, bảo vệ quan điểm, chủ trương của Đảng trong việc xây dựng các cơ chế, chính sách pháp luật; xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức đồng thời coi trọng và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đảng viên và các tổ chức Đảng.

Trong thời gian tới, Bí thư Đảng ủy khối các cơ quan Trung ương đề nghị Đảng ủy Bộ Xây dựng tiếp tục đôn đốc các cơ sở Đảng đưa Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp vào cuộc sống, triển khai hiệu quả các chương trình hành động nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác xây dựng Đảng.

**Minh Tuấn**

## **Hội nghị triển khai Đề án 1961 giai đoạn 2016 - 2020**

Ngày 10/6/2016 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị triển khai Đề án 1961 giai đoạn 2016 - 2020. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Đỗ Đức Duy đến dự và phát biểu chỉ đạo Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có các thành viên Ban Chỉ đạo Đề án 1961 đại diện các Bộ, ngành Trung ương; Đại diện UBND, Sở Xây dựng, Sở Nội vụ các tỉnh khu vực phía Bắc và các tổ chức quốc tế có liên quan.

Phát biểu khai mạc và chỉ đạo Hội nghị, thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Đỗ Đức Duy cho biết, trong những năm qua, hệ thống đô thị của Việt Nam phát triển nhanh kể cả về quy mô và không ngừng được nâng cao chất lượng. Trong giai đoạn 2011 - 2015, đã có 75 đô thị từ loại I đến loại IV và nhiều đô thị loại V được nâng loại đô thị. Đến tháng 12/2015, tỷ lệ đô thị hóa cả nước đạt 35,7%, tăng 5,2% so với năm 2010. Cả nước có 787 đô thị, diện mạo đô thị ngày càng văn minh, hiện đại, thường xuyên đóng góp trên 70% tổng thu ngân sách Nhà nước và ngày càng khẳng định vai trò, vị thế là động lực thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động của mỗi địa phương, vùng miền và của cả nước. Tuy nhiên

quá trình đô thị hóa và phát triển đô thị còn nhiều tồn tại, bất cập, như phát triển đô thị mới chỉ theo quy hoạch mà chưa có kế hoạch, chưa đảm bảo đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; việc nâng cấp, nâng loại đô thị một số nơi mới chỉ chú trọng quy mô mà chưa tập trung nâng cao chất lượng; khả năng huy động các nguồn lực đầu tư, chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh của các đô thị còn hạn chế; công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị còn bất cập...

Thứ trưởng Đỗ Đức Duy chỉ rõ, trong số các nguyên nhân dẫn đến những bất cập nêu trên có sự hạn chế về năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và công chức chuyên môn đô thị các cấp. Chính vì vậy, Bộ Xây dựng đã trình và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý phát triển đô thị đối với cán bộ lãnh đạo và chuyên môn đô thị các cấp giai đoạn 2011 - 2015 với mục tiêu chính nhằm nâng cao nhận thức, năng lực quản lý, lãnh đạo, điều hành của công chức lãnh đạo và chuyên môn đô thị các cấp, để đáp ứng yêu cầu quản lý xây dựng, quản lý phát triển đô thị trong bối cảnh đô thị hóa đang rất nhanh như hiện nay. Qua 05



Thủ tướng Đỗ Đức Duy phát biểu chỉ đạo Hội nghị

năm thực hiện Đề án, mặc dù gặp nhiều khó khăn khách quan và chủ quan, với sự vào cuộc tích cực của các cơ quan Trung ương và các địa phương, Đề án đã đạt được một số kết quả tích cực: Cơ bản hoàn thành việc xây dựng Chương trình biên soạn tài liệu cho 08 nhóm đối tượng của Đề án; Xây dựng được đội ngũ giảng viên cơ hữu và kiêm nhiệm bao gồm lãnh đạo các cơ quan quản lý nhà nước, cán bộ giảng dạy, nghiên cứu khoa học trong ngành Xây dựng, các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong nước và quốc tế; đã tổ chức được 162 khóa đào tạo với sự tham gia của hơn 5.000 học viên là cán bộ lãnh đạo, công chức chuyên môn của các đô thị trên toàn quốc, được các học viên đánh giá cao về tính thực tiễn.

Mặc dù Đề án 1961 đã đạt được những kết quả tích cực nhưng vẫn chưa hoàn thành tất cả các mục tiêu đề ra, chính vì vậy, trước yêu cầu cấp bách về nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý đô thị, Bộ Xây dựng đã báo cáo và được Thủ tướng đồng ý kéo dài thời gian thực hiện Đề án 1961 trong giai đoạn 2016 - 2020, đồng thời mở rộng đối tượng tham gia học tập, bồi dưỡng. Ban chỉ đạo Đề án đã triển khai kế hoạch tổng thể thực hiện Đề án trong giai đoạn



Toàn cảnh Hội nghị

2016 - 2020 để đạt được các mục tiêu đề ra của Đề án.

Tại Hội nghị này, đại diện lãnh đạo UBND các tỉnh, các Sở Xây dựng, Nội vụ các tỉnh khu vực phía Bắc đã phát biểu tham luận, qua đó đều nhất trí với mục tiêu của Đề án cũng như kế hoạch thực hiện Đề án 1961 giai đoạn 2016 - 2020. Bên cạnh đó, đại diện các địa phương cũng kiến nghị Ban Chỉ đạo Đề án nghiên cứu, xem xét giải quyết một số vướng mắc về việc lồng ghép việc đào tạo cán bộ chuyên môn nghiệp vụ quản lý xây dựng và đô thị cấp xã vào các chương trình mục tiêu khác như chương trình 135, chương trình nông thôn mới, đồng thời kiến nghị hỗ trợ các địa phương về đào tạo giảng viên nguồn cũng như kinh phí tổ chức đào tạo tại địa phương đối với những tỉnh đang được Trung ương cân đối ngân sách...

Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng và Ban chỉ đạo thực hiện Đề án, Thủ tướng Đỗ Đức Duy đã trực tiếp giải đáp một số thắc mắc của các đại biểu dự họp và tiếp thu các ý kiến đóng góp tại Hội nghị.

**Minh Tuấn**

## **Hội nghị Tổng kết 5 năm phong trào “Người mẹ có con ngoan, học giỏi” lần thứ X**

Tại Hội nghị Tổng kết 5 năm phong trào “Người mẹ có con ngoan, học giỏi” lần thứ XI, do Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng tổ chức nhằm chào mừng ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6/2016, ngày Gia đình Việt Nam 28/6 và tháng Hành động vì trẻ em (tháng 6/2016), Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng đánh giá cao ý nghĩa phong trào “Người mẹ có con ngoan, học giỏi”, đồng thời nhấn mạnh Hội nghị lần thứ XI này đã trở thành một buổi tọa đàm sôi động để các bà mẹ chia sẻ kinh nghiệm nuôi dạy con cái, các em học sinh trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm bản thân trong quá trình học tập, rèn luyện để trở thành con ngoan, trò giỏi, đạt thành tích cao trong học tập, rèn luyện.

Dự Hội nghị còn có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh, đại diện lãnh đạo Công đoàn Xây dựng Việt Nam.

Phong trào “Người mẹ có con ngoan, học giỏi” là một trong những phong trào thi đua truyền thống của nữ cán bộ, công nhân viên chức, lao động (CBCNVCLĐ) do Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng phát động từ năm 1990. Cùng với sự phát triển của đội ngũ CBCNVCLĐ trong những năm qua, phong trào “Người mẹ có con ngoan, học giỏi” đã, đang ngày càng phát triển sâu rộng và đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần thực hiện thành công Chỉ thị 03/TLĐ ngày 18/8/2010 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” trong nữ CNVCLĐ giai đoạn 2010 - 2015 và Nghị quyết số 6b/TLĐ ngày 29/1/2011 của BCH Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về Công tác vận động nữ CNVCLĐ.

Trong quá trình triển khai thực hiện phong trào của nữ CNVCLĐ Cơ quan Bộ Xây dựng, phong trào tổ chức tốt cuộc sống gia đình, nuôi

dạy con ngoan học giỏi, xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc là nhiệm vụ trọng tâm, toàn diện và nổi bật nhất. Ban Nữ công các cơ quan, đơn vị đã chủ động tham mưu, phối hợp với BCH công đoàn cùng cấp thường xuyên tổ chức các hoạt động thiết thực, có ý nghĩa nhân kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ (8/3), ngày Quốc tế Hạnh phúc (20/3), ngày Gia đình Việt Nam (28/6), ngày Phụ nữ Việt Nam (20/10)... thu hút đông đảo sự tham gia của CBCNVCLĐ, góp phần nâng cao kiến thức pháp luật hiện hành liên quan đến lao động nữ và trẻ em, qua đó kết hợp tuyên truyền, phổ biến các kiến thức về xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi con khỏe, dạy con ngoan, góp phần thực hiện mục tiêu “Vì lợi ích trăm năm phải trồng người” như lời dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Từ năm 2012 đến nay, Cơ quan Bộ Xây dựng có: 115 nữ CBCNVCLĐ có con đạt giải tại các kỳ thi học sinh giỏi các cấp (quận, thành phố, quốc gia và quốc tế); 160 nữ CBCNVCLĐ có con là học sinh giỏi từ 3,4 năm liên tục; 249 nữ CBCNVCLĐ có con là học sinh giỏi từ 5 năm trở lên; 246 cháu đạt học sinh giỏi và đạt giải tại các cuộc thi học sinh giỏi các cấp (quận, thành phố, quốc gia và quốc tế); 621 cháu đạt học sinh giỏi từ 5 năm liên tục trở lên; 450 cháu đạt học sinh giỏi 3, 4 năm liên tục.

Tại Hội nghị, lãnh đạo Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng đã biểu dương, khen thưởng 50 nữ CBCNVCLĐ thuộc các đơn vị công đoàn cơ sở đạt thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào “Người mẹ có con ngoan, học giỏi” và 20 em học sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia, quốc tế giai đoạn 2012 - 2016.

Bên cạnh sự tuyên dương, khen thưởng của Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng, 20 em học sinh xuất sắc tham dự Hội nghị còn nhận được



Lãnh đạo Công đoàn Xây dựng Việt Nam, Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng tặng thưởng cho các nữ CBCNVCLĐ đạt danh hiệu “Người mẹ có con ngoan, học giỏi” lần thứ XI



Thứ trưởng Lê Quang Hùng, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh trao thưởng cho các cháu học sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi cấp quốc gia, quốc tế

sự quan tâm, động viên đặc biệt của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà, khi Bộ trưởng tặng thưởng cho mỗi em 2.000.000 đồng với lời nhắn nhủ mong các em ngày càng nỗ lực phấn đấu học tập và rèn luyện hơn nữa nhằm phát huy tài năng và trí tuệ xây dựng đất nước.

Tiếp nối những thành công của phong trào “Người mẹ có con ngoan, học giỏi” giai đoạn 2012 - 2016, Chủ tịch Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng Trần Thị Lựu cho biết mục tiêu chủ yếu của phong trào “Người mẹ có con ngoan, học giỏi” trong giai đoạn 2016 - 2020 sẽ tiếp tục đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng toàn diện phong trào, đồng thời thúc đẩy toàn thể nữ CBCNVCLĐ đoàn kết, phát huy tiềm năng trí tuệ, lao động giỏi, lao động sáng tạo; xây dựng người nữ CBCNVCLĐ yêu nước, có tri thức, có sức khỏe, năng động, sáng tạo, có lối sống văn hoá và lòng nhân hậu, tổ chức tốt cuộc sống gia đình, nuôi dạy con ngoan học giỏi, xây dựng gia

đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; phấn đấu hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ, kế hoạch của ngành Xây dựng, góp phần thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

Tham dự Hội nghị, Thứ trưởng Lê Quang Hùng bày tỏ sự vui mừng và phấn khởi trước những thành tích xuất sắc của các cháu học sinh là con của cán bộ, công nhân viên chức thuộc Cơ quan Bộ Xây dựng.

Thứ trưởng Lê Quang Hùng đưa ra những góp ý để Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng ngày càng có nhiều sáng kiến, tổ chức đa dạng các hoạt động của phong trào “Người mẹ có con ngoan, học giỏi” để các gia đình, phụ huynh và các cháu học sinh có điều kiện chia sẻ, giao lưu và học tập kinh nghiệm trong việc nuôi dạy và học tập của các cháu.

Trần Đình Hà

## Các đầu mối giao thông cần trở thành lực hút chủ đạo trong cuộc sống đô thị của Moskva

Trong những năm gần đây, quy hoạch các nút giao thông đã bắt đầu được xem xét tại các văn bản tiêu chuẩn, và đề cập tới khá nhiều trong các bài báo. Về tổng thể, hạ tầng của công trình tổ hợp này là một bài toán không quá

phức tạp - thiết lập những điều kiện thuận lợi để chuyển tiếp từ loại hình giao thông này sang loại hình giao thông khác. Tuy nhiên, khi xem xét vấn đề một cách sâu hơn thì phạm vi chức năng của một đầu mối giao thông sẽ rộng hơn



rất nhiều. Mới đây, một hội nghị bàn tròn với chủ đề “Đầu mối giao thông - giải pháp kiến trúc quy hoạch hiện đại đối với các siêu đô thị” đã diễn ra trong khuôn khổ cuộc triển lãm về nội thất và xây dựng BATIMAT RUSSIA.

Moskva và những phần lãnh thổ mới (Moskva Mới) là một ví dụ điển hình về sự phát triển tích cực của hạ tầng giao thông đô thị. (Theo quy hoạch tổng thể Moskva năm 2011, Thủ đô được mở rộng địa giới gấp gần 2,5 lần; và gấp hơn 4 lần so với Quy hoạch Tổng thể đầu tiên của Moskva năm 1935. Phần lãnh thổ mới chủ yếu là các khu vực công nghiệp, các khu đất hoang hóa ngoài tuyến đường vành đai 5 của Moskva). Chỉ riêng tại Moskva Mới, cho tới cuối năm 2018, sẽ có thêm 130km đường mới được quy hoạch xây dựng; ngoài ra rất nhiều tuyến đường hiện hữu được lên kế hoạch tu bổ, tôn tạo và mở rộng. Tới năm 2035, tại Moskva Mới các tuyến tàu điện ngầm sẽ được kéo dài thêm 45km; lắp đặt thêm 119 km đường ray cho các loại phương tiện chạy trên đường ray. Mỗi liên kết của tất cả các loại hình giao thông do đó trở thành một bài toán phức tạp hơn, mà việc quy hoạch và thiết kế các đầu mối giao thông chính là lời giải. Các đầu mối giao thông hiện đại không chỉ giới hạn bởi chức năng giao thông, trung chuyển. Kinh nghiệm từ nhiều quốc gia trên thế giới cho thấy, những đầu mối giao thông lớn có thể trở thành điểm nhấn của toàn bộ kết cấu hạ tầng đô thị, khi đồng thời đáp ứng tốt các chức năng xã hội khác nhau.

Theo các quy hoạch, kế hoạch phát triển hiện nay của Moskva Mới, trên các vùng lãnh thổ mới sát nhập cần có 12 điểm tăng trưởng - nơi sẽ hình thành các vị trí công việc mới, các khu dân sinh, cửa hàng, khách sạn, văn phòng, công trình thể thao. Như vậy, có thể thấy tầm quan trọng của những thiết kế đầu mối giao thông hiện đại đối với các khu vực này. Theo ông Valery Zubakhin - cố vấn cao cấp Cục Phát triển các lãnh thổ mới của Moskva, đầu



*Toàn cảnh nút giao Salarevo (Moskva Mới).  
Phía trên mái nhà ga xe điện ngầm là bãi đỗ xe  
có sức chứa 5000 chiếc*

mối giao thông có một ý nghĩa rất quan trọng trong việc hình thành hệ thống dịch vụ giao thông bền vững của Thủ đô Moskva và toàn Vùng Moskva. Có thể coi những đầu mối giao thông như những nhân tố quan trọng trong hoạt động xây dựng và quy hoạch đô thị, có ảnh hưởng lớn tới cơ cấu xây dựng xung quanh, cũng như sự phát triển tổng thể trên toàn khu vực. Ông cho biết: Theo hồ sơ quy hoạch Moskva Mới tầm nhìn tới năm 2035, sẽ xây mới 35 nút giao cắt có vai trò trọng yếu. Một trong những nút quan trọng đó là Xalarevo, với quỹ đất dự phòng gần 1000ha (được khởi công xây dựng từ đầu năm 2015, và dự kiến đưa vào khai thác sử dụng trong quý IV/2016). Đây sẽ là đầu mối giao thông lớn nhất Moskva, bao gồm một nhà ga xe điện ngầm; một bến xe buýt; một ga tàu điện. Trên mái ga xe điện ngầm Xalarevo, bãi đỗ xe lớn nhất Moskva (sức chứa hơn 5000 xe) đã được hoàn thành. Dự án được người dân các quận phía Đông nam Thủ đô hoan nghênh, được sự ủng hộ và hỗ trợ tích cực từ tất cả cơ quan Chính quyền các cấp.

Thiết kế nút giao Tereshkovo cũng đã nhận được sự đồng thuận và ủng hộ lớn từ cả hai phía - Chính quyền và người dân. Theo thiết kế, trong cơ cấu đầu mối giao thông này sẽ xây mới một nhà ga xe điện ngầm cùng tên. Đến năm 2020, dự kiến sẽ hợp nhất Tereshkovo với tuyến xe điện ngầm dài nhất, và cũng quan



Ga xe điện ngầm Xalarevo



Phối cảnh nút giao Tereshkovo

trọng nhất của Moskva (tuyến kết nối với trung tâm hành chính - làm việc của Moskva Mới). Tại trung tâm, hai đầu mối giao thông quan trọng nữa cũng đang trong giai đoạn triển khai thực hiện.

Bên cạnh đó, việc cải tạo, nâng cấp các nút giao hiện hữu của Moskva Cũ cũng được triển khai đồng thời một cách tích cực. Cho tới năm 2020, dự kiến hoàn thiện công tác chỉnh trang và liên kết mạng lưới bền vững từ 273 nút giao thông hiện hữu của Moskva Cũ.

Theo ý kiến của các chuyên gia, sự xuất hiện các đầu mối giao thông gắn liền với những loại hình phương tiện giao thông khác nhau đã trở thành nền tảng “biến hình” các khu vực công nghiệp, tạo môi trường đô thị có chất lượng cho các khu vực này, với trung tâm phát triển là các khu dân cư hiện hữu xung quanh các khu vực công nghiệp sản xuất. Các đầu mối giao thông trở thành “đầu tàu” để phát triển xây dựng các khu văn phòng, thương mại, khu nhà ở. Sự hình thành các đầu mối giao thông góp phần cải

thiện năng lực tiếp cận giao thông tại các khu vực, nâng cao tính hấp dẫn và giá trị của toàn khu vực đối với các nhà đầu tư tiềm năng. Điều này cũng tạo ra cơ chế cải tạo và hồi sinh những khu vực công nghiệp trước đây, cải tạo quỹ nhà ở kém chất lượng. Sự phát triển các mô hình đầu mối giao thông hiện đại cũng tạo cơ hội cho cư dân các khu vực xung quanh Moskva tiếp cận những loại hình dịch vụ mới, hoặc có khả năng làm việc ngay gần nơi sinh sống. Theo ông V.Zubakhin, việc xây dựng những tổ hợp công trình quy mô như vậy sẽ không thể tiến hành mà không có nguồn đầu tư tư nhân - có nghĩa là luật đầu tư xây dựng hiện hành của Liên bang Nga rất cần được sửa đổi, bổ sung kịp thời.

**Oksana Samborskaya**

*Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 15  
(ngày 15/4/2016)*

**ND: Lê Minh**

## **Ý tưởng chung và mô hình vận hành kinh doanh xử lý nước thải nông thôn tại Trung Quốc**

### **1. Ý tưởng chung về xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn**

Ý tưởng chung về xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn là thúc đẩy xây dựng nhất thể hóa. Hiện tại, tỷ lệ xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn tại Trung Quốc đạt khoảng 13%. Mặc dù

rất nhiều cơ sở hạ tầng đã được xây dựng, nhưng tỷ lệ cơ sở hạ tầng có khả năng phát huy tác dụng thực sự, có hiệu quả và vận hành ổn định rất ít. Nguyên nhân căn bản là vấn đề về thể chế. Vì vậy, cần thúc đẩy xây dựng nhất thể hóa xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn, sử

dụng mô hình vận hành kinh doanh doanh nghiệp hóa, chính quyền đứng ra mua dịch vụ, đồng thời mời bên thứ 3 độc lập làm giám sát, quản lý, chính quyền chủ yếu là quản lý. Tuy nhiên, chính quyền quản lý lại không thể thực hiện một số công tác giám sát, quản lý cụ thể hay có thể tiến hành các nghiệp vụ tuần tra, kiểm tra, do đó, mời một số bên thứ 3 có năng lực tương đối chuyên nghiệp tiến hành kiểm tra là điều cần thiết, chính quyền chỉ cung cấp căn cứ đánh giá.

Hiện tại, việc xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn chủ yếu vẫn lấy lĩnh vực trọng điểm, khu vực trọng điểm làm chủ, ví dụ, khu đất bảo vệ nguồn nước sạch, khu vực danh lam thắng cảnh sẽ được ưu tiên xử lý. Phương thức làm việc là kết hợp tập trung và phân tán, ví dụ khu vực gần với đô thị cần đưa vào hệ thống đường ống của đô thị, các làng quê xa khu vực đô thị cần được tập trung xử lý, hay có thể xử lý phân tán tương thích. Ngoài ra, sử dụng một số công nghệ mới và công nghệ xử lý sinh thái, ví dụ công nghệ bãi lọc trồng cây nhân tạo không thích hợp mở rộng ở phía Bắc, mùa đông sẽ không thể phát huy tác dụng, tuy nhiên, áp dụng công nghệ này cho khu vực phía Nam cũng cần phải xem xét, bởi vì bãi lọc trồng cây nhân tạo cần được bảo vệ, chăm sóc khá phức tạp, luôn phải thu hoạch, trồng trọt mới có thể tạo hiệu quả, hơn nữa lại dễ bị tắc nghẽn, sản sinh ruồi muỗi. Rất nhiều nơi còn sử dụng thiết bị xử lý không động lực bằng năng lượng mặt trời, tuy nhiên nhất định phải trải qua nghiên cứu kỹ lưỡng, không thể nhìn vào những hiệu quả nhất thời mà cần phải nhìn ra được những hiệu quả dài hạn.

## **2. Những mô hình vận hành hiệu quả trong xử lý nước thải sinh hoạt tại nông thôn**

Lấy thành phố Thường Thục, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc làm ví dụ. Việc xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn tại Thường Thục được tiến hành tìm tòi, nghiên cứu dựa trên nền tảng “4 thống nhất”. Từ năm 2008, thành phố Thường Thục

thúc đẩy công tác xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn, trải qua 7 năm nỗ lực, hình thành nên mô hình “4 thống nhất”, đó là: Thống nhất quy hoạch, thống nhất xây dựng, thống nhất vận hành, thống nhất quản lý.

- *Thống nhất quy hoạch:* Thành phố Thường Thục phá vỡ giới hạn quy hoạch hành chính khi bố cục lại từ 9 thị trấn ban đầu với 29 nhà máy xử lý nước thải quy mô nhỏ thành 11 nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt dạng tập trung, trong đó, 3 nhà máy phục vụ khu vực đô thị, 8 nhà máy phục vụ nông thôn. Thêm vào đó, thành phố còn sử dụng kết hợp đường ống dẫn phục vụ cho xử lý thu gom và phân tán, đảm bảo 206 nghìn hộ nông thôn trong toàn thành phố được xử lý nước thải sinh hoạt, trong đó 69% nước thải sinh hoạt sẽ đưa vào xử lý trong hệ thống đường ống đô thị, số còn lại căn cứ hình thái và quy mô nông thôn để tiến hành xử lý, có thể sử dụng 3 mô hình xử lý phân tán: Mô hình tương đối tập trung, mô hình nhóm thôn xử lý, mô hình phân hộ xử lý.

- *Thống nhất xây dựng:* Trước năm 2008, cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn tại Thường Thục do thành phố, thị trấn và các làng xây dựng, không có tiêu chuẩn và yêu cầu liên quan, chất lượng và công nghệ cũng không được đảm bảo. Năm 2008, thành phố thành lập Công ty thủy lợi Giang Nam mang tính chất thuộc sở hữu nhà nước. Công ty này phụ trách trạm nước thải và xây dựng hệ thống đường ống chính, các cơ sở hạ tầng khác giao cho các thị trấn xây dựng, trong đó, việc xử lý nước thải dạng phân tán tại nông thôn lấy cơ sở xử lý nước thải quy mô nhỏ làm chủ đạo. Thêm vào đó, năm 2003, thành phố Thường Thục đã thực hiện nhất thể hóa việc cấp nước tại đô thị và nông thôn, việc cấp nước cho cư dân thành phố và nông thôn theo cùng một hệ thống, cùng chất lượng và cùng một mức giá. Phí xử lý nước thải sẽ thu 1,3 NDT/tấn theo chi phí nước sạch mỗi năm và được chính quyền đưa vào quỹ vận hành bảo trì xây dựng, cách làm này giúp tăng

cường sự đảm bảo về nguồn tài chính. Bắt đầu từ năm 2016, chi phí xây dựng của tất cả các cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn tại Thường Thục sẽ do tài chính cấp thành phố đảm nhiệm.

- *Thống nhất quản lý:* Xây dựng đơn vị quản lý cấp thoát nước tại đô thị, phụ trách vận hành cơ sở xử lý nước thải, bảo trì và giám sát kiểm tra. Trạm giám sát kiểm tra chất lượng nước đô thị phụ trách giám sát kiểm tra chất lượng nước. Cơ quan bảo vệ môi trường tại làng quê và thị trấn cùng nhau giám sát, quản lý. Ngoài ra, đổi mới theo mô hình bên thứ ba giám sát quản lý bằng cách giao cho các trung tâm nghiên cứu môi trường sinh thái thực hiện vai trò bên thứ ba này, đồng thời căn cứ theo các kết quả kiểm tra ngẫu nhiên để chi trả phí dịch vụ cho đơn vị vận hành.

Mô hình PPP đề cập tới việc xử lý nước thải sinh hoạt tại 330 thôn với khoảng 13 nghìn hộ. Căn cứ chi phí đầu tư vận hành để tính toán xác định mỗi hộ mỗi năm phải trả 1.935 NDT phí dịch vụ. Mô hình PPP đã tạo những nội hàm mới cho mô hình “4 thống nhất”, cụ thể năm 2015, thành phố Thường Thục đã hoàn thành xử lý nước thải sinh hoạt cho 20 nghìn hộ nông thôn và các nhiệm vụ xử lý ô nhiễm khác. Hiện tại, thành phố đã hoàn thành trên 70% nhiệm vụ. Năm 2016, Thường Thục sẽ hoàn thành nhiệm vụ xử lý ô nhiễm tại 393 thôn, trong đó, hạng mục PPP sẽ đề cập tới 278 thôn.

Mô hình của thành phố Thường Thục là một mô hình cần được thúc đẩy trong xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn hiện nay, cũng là phương hướng thực hiện cải thiện thể chế môi trường cho cư dân nông thôn trong tương lai.

### **3. Những công tác cần được tăng cường để nâng cao hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt tại nông thôn**

- *Thứ nhất,* tăng cường chỉ đạo từ cấp trên. Đảng ủy, chính quyền địa phương cần đảm nhiệm tốt trách nhiệm chủ thể, kiên trì vị trí chỉ đạo, hoàn thiện phân công chức năng, xác định rõ việc xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn của

các cơ quan dẫn đầu, phối hợp với các cơ quan có liên quan trong triển khai cơ chế công tác, thực hiện thống nhất quy hoạch, thống nhất thiết kế, thống nhất quản lý.

- *Thứ hai,* tăng cường dẫn dắt quy hoạch. Khi lựa chọn khu vực xử lý, cần tiến hành đồng bộ với quy hoạch phát triển xây dựng đô thị và nông thôn, kiên quyết ngăn chặn các hiện tượng xây lên rồi đập đi, gây lãng phí. Về phương diện xây dựng công trình, việc quy hoạch thiết kế cần do các cơ cấu chuyên nghiệp thực hiện dựa theo tình hình thực tế cụ thể của từng thôn, khi cần thiết có thể mời chuyên gia tới phân tích. Khi lựa chọn công nghệ, cần căn cứ theo thực tế của vùng nông thôn, có thể xây dựng bãi lọc cây nhân tạo tại khu vực thoát nước, sau khi được xử lý qua bãi lọc mới cho thoát xả.

- *Thứ ba,* tăng cường tập trung tài chính. Năng lực tài chính khu vực nông thôn vốn dĩ có hạn, chi phí bình quân theo hộ dành cho cơ sở hạ tầng xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn lại khá cao, vì vậy rất cần có sự hỗ trợ về tài chính từ cấp trên. Trên cơ sở chỉ đạo giám sát và hỗ trợ về tài chính từ trung ương, chính quyền cấp tỉnh, chính quyền địa phương cần cố gắng điều chỉnh hiệu quả nguồn tài chính. Tài chính cấp thành phố và cấp huyện cần tích cực hỗ trợ khu vực nông thôn, đổi mới các kênh tài chính, tăng cường đầu tư bảo vệ môi trường nông thôn, từ đó giảm gánh nặng cho khu vực nông thôn.

- *Thứ tư,* tăng cường quản lý hiệu quả dài lâu. Thành phố, huyện cần thống nhất phụ trách công tác bảo trì vận hành các cơ sở hạ tầng, có thể ủy thác cho các cơ cấu chuyên ngành có năng lực, đồng thời làm tốt việc kiểm tra, giám sát, đảm bảo nguồn kinh phí vận hành.

**Cúc Vũ Bình**

*Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn  
Trung Quốc, số 3/2016*

**ND: Kim Nhạn**

## **Con đường phát triển xây dựng xanh của Singapore**

Ngày nay, “Thành phố vườn” đã trở thành danh từ đi cùng với Singapore, theo số liệu của Ngân hàng thế giới vào năm 2014 cho thấy, quốc gia Singapore có hơn 340 công viên lớn nhỏ, bình quân cứ cách mỗi khu dân cư khoảng 500m là lại có một công viên, diện tích cây xanh chiếm khoảng 45% diện tích lãnh thổ, tỷ lệ phủ xanh đạt trên 80%.

Tuy nhiên, trong phạm vi bán kính hơn 700km<sup>2</sup> đất, mật độ dân số của Singapore đã đạt hơn 7.000 người trên mỗi km<sup>2</sup>, cao nhất trên thế giới. Trước thực trạng “đất chật người đông”, nguồn tài nguyên hạn hẹp, Singapore đã không ngừng nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm của các nước trên thế giới và đạt hiệu quả trong công tác phòng tránh ô nhiễm đô thị, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên.

### **I. Singapore xây dựng “đô thị vườn”**

Ngay từ khi bắt đầu thành lập, chính phủ Singapore đã xây dựng mục tiêu “đô thị vườn”. Trong bối cảnh nguồn tài nguyên vô cùng hạn hẹp, Singapore đã đề xuất chỉ tiêu không gian bình quân 8m<sup>2</sup>, đồng thời yêu cầu trước mỗi hộ gia đình đều phải có cây xanh. Hiện nay, Singapore có khoảng 44 công viên có diện tích trên 20ha, hơn 240 công viên có diện tích 0,2ha, hành lang hai bên đường của 264 con đường, đều trồng rất nhiều thảm cỏ, cây xanh và hoa.

Đồng thời, bố cục cây xanh ở Singapore rất được những nhà quy hoạch chú trọng, tại những khu vực khác nhau như trung tâm, đông bắc, tây bắc... đều thiết lập khu bảo tồn tự nhiên, không mở rộng phát triển, bảo tồn nguyên trạng rừng mưa nhiệt đới; ở đông bộ và tây nam bộ, thiết lập khu bảo tồn những cây cổ thụ có lịch sử lâu đời, việc chặt phá cây đều phải được thông qua phê chuẩn của cơ quan chức năng, nên hầu như mỗi một khu vực đều có khu bảo tồn và rừng cây; đối với khu vực trung tâm thành phố và nhà ở, mỗi một khu vực

đều phải giữ lại một mảnh đất nhỏ để tạo khuôn viên cây xanh, như vậy sẽ luôn đảm bảo cây xanh được phân bổ đồng đều.

Để đảm bảo độ phủ xanh, bắt đầu từ những năm 70 của thế kỷ 20, chính phủ Singapore đã tăng cường tuyên truyền, giáo dục về tầm quan trọng của phủ xanh đối với cuộc sống; đồng thời, nâng cao nhận thức của người dân đối với cây xanh, đối với những hành vi phá hoại cây xanh sẽ bị xử phạt rất nặng. Ngoài ra, luật pháp của Singapore cũng xây dựng cơ chế khen thưởng đối với cá nhân, tập thể có công sức trong công tác xây dựng xanh. Ví dụ như đối với những nhà ở có bố trí khuôn viên xây xanh, trồng hoa, nếu không xây tường rào ngăn cách, để cây hoa cho người đi đường cùng thưởng thức, thì hộ gia đình đó sẽ được nhà nước cắt giảm thuế nhà đất. Còn đối với, những cá nhân hay tập thể có cống hiến to lớn về cây xanh trong đô thị, sẽ nhận được khen thưởng cao.

### **II. Nguồn lực đất đai hạn chế, làm nổi bật vai trò “xây dựng xanh”**

Do môi trường đô thị của Singapore được tập trung khá dày đặc, nguồn lực đất đai và thiên nhiên bị hạn chế, nên xây dựng xanh vẫn là điều cần thiết cho sự phát triển bền vững. Năm 2005, Cục Xây dựng của Singapore bắt tay thực hiện kế hoạch môi trường xây dựng xanh của Singapore và đề ra chứng chỉ tiêu chí xanh (GreenMark), đồng thời, đánh giá tác động môi trường đối với tòa nhà và hình thành mục tiêu phát triển bền vững, việc đánh giá các chỉ số bao gồm: Tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước, bảo vệ môi trường, chất lượng môi trường trong nhà, nét đặc trưng của cây xanh.

Mức tiêu thụ năng lượng trong xây dựng của Singapore chiếm hơn 50% tổng mức tiêu thụ năng lượng của cả nước, đồng thời, so với các nước khác, xếp hạng hệ thống xây dựng xanh của Singapore cũng có những điểm khác biệt, GreenMark nhấn mạnh hơn đến hiệu quả năng

lượng. GreenMark cũng được phân thành 4 tiêu chí đánh giá: Cấp bạch kim, cấp siêu vàng, cấp vàng và cấp chứng nhận, đối với hiệu quả tiết kiệm năng lượng trong xây dựng yêu cầu dao động từ 15 - 35%.

Đối với các tòa nhà xây mới, chính phủ Singapore đề ra chương trình khuyến khích những khu vực có công trình xanh. Nếu như công trình xanh đạt cấp bạch kim, chính phủ sẽ cho thêm cao nhất là 2% ngoài định mức diện tích xây dựng, cao nhất là 5.000m<sup>2</sup>. Nếu công trình xanh đạt cấp siêu vàng, chính phủ sẽ cho thêm 1% ngoài định mức diện tích xây dựng, cao nhất là 2.500m<sup>2</sup>. Đối với công tác cải tạo những tòa nhà, chính phủ đề ra cơ chế khuyến khích là 100 triệu đô Sing.

### III. Giải quyết tình trạng thiếu nước

Đối mặt trước thực trạng khan hiếm nguồn tài nguyên nước, chính phủ Singapore đã lựa chọn cách nhập khẩu nước từ các nước láng giềng, thu gom nguồn nước mưa, xử lý nước biển, nước thải thành nước sạch...

Thời gian đầu, Singapore gần như hoàn toàn phụ thuộc vào nguồn nước nhập khẩu từ Malaysia. Để hạn chế sự phụ thuộc này, hai nước đã ký Hiệp định cấp nước lần thứ nhất vào năm 1961. Hiệp định này có hiệu lực trong 50 năm, đến năm 2011 hết hạn, sau đó Singapore và Malaysia lại tiếp tục ký hiệp định lần 2 và có hiệu lực đến năm 2061.

Ngoài việc nhập khẩu nước từ Malaysia, phương pháp thu gom nguồn nước mưa cũng là một trong những cách giảm bớt sự thiếu hụt nguồn tài nguyên nước của Singapore, để đảm bảo có thể thu gom nguồn nước mưa sạch, từ năm 1977 - 1987, Singapore đã sử dụng thời gian là 11 năm làm sạch tất cả các nguồn nước ô nhiễm. Đến năm 2011, Singapore đã xây dựng được 17 hồ chứa nước, hơn 7.000km kênh rạch và một hệ thống bể chứa nước mưa có thể phòng tránh ngập lụt khi có mưa lớn. Bước vào thế kỷ 21, Singapore bắt đầu tiến hành cải tạo hệ thống thu gom nước mưa, thúc đẩy tăng diện

tích khu vực thu gom nước mưa, trước khi nước mưa được chuyển vào hồ chứa đều phải thông qua hệ thống làm sạch tự nhiên.

Là một đảo quốc, Singapore được bao quanh bởi nguồn tài nguyên biển phong phú, phương pháp khử muối cũng là một trong những cách để có được nước ngọt. Tháng 9/2005, nhà máy khử mặn đầu tiên của Singapore đi vào hoạt động và tạo ra 30 triệu lít nước ngọt mỗi ngày. Nhà máy khử mặn thứ 2 cũng đi vào hoạt động từ năm 2013, hàng ngày sẽ cung cấp cho Singapore 318.000 m<sup>3</sup> nước sạch. Đồng thời, toàn bộ nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt, sau khi được thu gom, thông qua xử lý và trở thành một trong những nguồn nước ngọt quan trọng của Singapore, đối với những nguồn nước đã qua xử lý nhưng không phải nước sạch hoàn toàn, sẽ được Singapore sử dụng vào công tác cung cấp điện tử, phát điện, làm mát công nghiệp, việc làm này đã giúp Singapore tiết kiệm rất nhiều nước.

### IV. Kiểm soát ô nhiễm không khí

Quy hoạch đô thị hợp lý, kiểm soát khí thải xe là những phương pháp quan trọng để Singapore phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm không khí.

Mặc dù, cứ từ 5 - 10 năm, chính phủ Singapore lại một lần điều chỉnh quy hoạch xây dựng đô thị, nhưng luôn tuân thủ lý luận thực tiễn “đô thị vườn”. Trong quá trình điều chỉnh quy hoạch, chính phủ Singapore yêu cầu thực hiện theo mục tiêu “Singapore phát triển bền vững”, thực hiện đầy đủ khái niệm “ưu tiên môi trường”, chia đất nước thành nhiều khu vực, ưu tiên quy hoạch khu vực thu gom nguồn nước và phủ xanh, đưa mục tiêu xây dựng sinh thái và bảo vệ nguồn nước lên hàng đầu, trong quá trình phát triển kinh tế giảm thiểu thiệt hại tới môi trường.

Trên đất nước Singapore, mỗi một khu vực cụ thể đều thực hiện quy hoạch khu chức năng môi trường, đồng thời cũng thiết lập nghiêm

ngặt tiêu chuẩn khí thải đối với các dự án công nghiệp. Ngoài khí thải công nghiệp ra, khí thải xe cơ giới cũng là nguồn gây ô nhiễm không khí đô thị, trong đó, Singapore đặc biệt chú trọng tới việc giảm lượng khí thải ô nhiễm của xe. Năm 1999, Singapore hoàn toàn cấm sử dụng xăng pha chì, để không còn phải nhìn thấy bất kỳ loại phương tiện nào lưu thông trên đường thải ra khói bụi. Đồng thời, luật pháp đặc biệt còn yêu cầu tất cả các chủ sở hữu xe cơ giới phải chấp hành các biện pháp đảm bảo và tiêu chuẩn đã được thiết lập, bao gồm cả việc thực hiện bảo dưỡng thường xuyên. Để đảm bảo xe

cơ giới luôn trong trạng thái tốt nhất; năm 1981, Singapore đã thiết lập chế độ kiểm tra bắt buộc đối với xe cũ, tất cả những xe đã được đưa vào sử dụng 3 năm, phải đi đến các trung tâm chỉ định để kiểm tra; ngoài ra, Singapore cũng ủng hộ mạnh mẽ sự phát triển của hệ thống giao thông công cộng.

**Phuong Triệu**

*Nguồn: <http://jjsb.cet.com.cn> (Thời báo Kinh tế Trung Quốc ngày 1/4/2016)*

**ND: Bích Ngọc**

# HỘI NGHỊ TỔNG KẾT 5 NĂM PHONG TRÀO “NGƯỜI MẸ CÓ CON NGOAN, HỌC GIỎI” LẦN THỨ X

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2016



*Thứ trưởng Lê Quang Hùng, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh trao thưởng cho các cháu học sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi cấp quốc gia, quốc tế*



*Lãnh đạo Công đoàn Xây dựng Việt Nam, Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng tặng thưởng cho các nữ CBCNVCLĐ đạt danh hiệu “Người mẹ có con ngoan, học giỏi” lần thứ XI*